

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 57

Đoạn chín: Thắng Nhiệt, Thiện hữu nương vào Vương Tử Trú, nghĩa như trước giải thích, văn có đủ sáu mục.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai: 1- Chứng pháp ở vị Thiện hữu trước đây; 2- Hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau.

Trong mục 1- Chứng pháp ở vị Thiện hữu trước đây, có hai: a- Hiểu bày về nhân của Chứng; b- Từ “Trú chư Phật...” trở xuống là chính thức trình bày về lợi ích của Chứng, trong đó có hai tiết: Một- Đạt được lợi ích thuộc về Tự phần; Hai- Từ “Cầu Nhất thiết trí...” trở xuống là đạt được lợi ích thuộc về Thắng tiến.

Mục 2- Hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau. Văn đều có thể biết.

Trong mục hai- Từ “Kiến bỉ Thắng Nhiệt...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có ba:

Mục 1- Nhìn thấy khổ hạnh: Bốn phía là đồng lửa lớn, lại thêm trên đầu có mặt trời, tức là năm loại nóng bức đốt cháy thân thể.

Nay chỉ nói bốn loại, bởi vì bốn câu phân biệt về Bát-nhã đều đốt cháy củi Phiền não.

Ở giữa có núi dao, bởi vì Trí không phân biệt cuối cùng ở Trung đạo, không có gì không cắt đứt, cao mà không có gì cao hơn, khó có thể bước lên. Vì vậy Trí Luận nói: “Bát-nhã Ba-la-mật giống như đồng lửa lớn, bốn phía không thể giữ lấy, xa lìa đối với bốn câu phân biệt, bốn câu phân biệt là bốn phía, giữ lấy thì đốt cháy người, xa lìa thì thành tựu Trí.”

Lại lửa có bốn nghĩa: 1- Đốt cháy củi phiền não; 2- Phá tan bóng tối Vô minh; 3- Làm thành thực thiện căn; 4- Soi chiếu Lý hiện chứng.

Lao người vào ngọn lửa, là thuận theo Trí không phân biệt mà

tiến vào tất cả bốn câu phân biệt, đều không có gì vướng mắc.

Lại giải thích: Dao là Đoạn đức, bởi vì không có gì không cắt đứt; lửa là Trí đức, bởi vì không có gì không soi chiếu. Lao thân xuống dưới là chướng không còn mà chứng đạt Lý, bởi vì ngay nơi núi dao là pháp có thể chứng đạt, đồng lửa là pháp đã chứng đạt. Ngọn lửa này... tức là pháp môn, không cần phải biểu thị riêng biệt bởi vì Dụng đã hiện rõ, bởi vì sự việc xứng với tánh. Đây là Lý rất sâu xa khó hiểu, không thể coi thường.

Mục 2- Lễ chào cung kính, vẫn có thể biết.

Mục 3- Thưa hỏi, vẫn có thể biết.

Mục ba- Từ “Bà-la-môn ngôn...” trở xuống là chính thức chỉ ra pháp giới, vẫn có sáu: 1- Chỉ ra pháp khuyến khích tu tập; 2- Nghi ngờ run sợ không tiếp nhận; 3- Duyên thù thắng khuyên nhủ dẫn dắt; 4- Nghi ngờ không còn, hối hận về lỗi lầm; 5- Nhắc nhủ khuyến khích nhìn thấy dung mạo; 6- Dựa vào lời dạy tu tập chứng đạt.

Mục 1- Chỉ ra pháp khuyến khích tu tập. Nhưng núi dao không thể nắm được, đồng lửa không thể giữ lấy, nếu Trí không phân biệt có thể không dừng lại mà tiến vào tất cả bốn câu phân biệt, thì xa lìa bốn lỗi bài báng, không đấm theo Không-Hữu thì Hạnh nào không thành tựu? Sở dĩ cần phải khiến cho tiến vào, là bởi vì phá bỏ tâm nhìn thấy, khiến cho hiểu rõ về pháp sâu xa bí mật của Bồ-tát, thuận theo tướng thì dễ hiểu rõ, ngược với tướng thì khó nhận biết. Trong này thị hiện Tà kiến, vua Vô Yếm Túc thị hiện về Sân, người nữ Bà-tu-mật thị hiện về Tham, bởi vì hiển bày về tướng của ba Độc đều có Chánh pháp.

Nhưng có năm nghĩa: 1- Ngay nơi tướng tức là Không, Không vốn là Đạo, không cho rằng ba loại này chính là pháp Phật, các Bộ Bát-nhã trình bày về văn ấy không phải là một. 2- Dựa theo Dụng huyền thâm nhiếp chúng sinh, cũng không thích hợp mà lại đúng, như kinh Tịnh Danh nói: “Thực hành đối với Đạo không thích hợp, trước là dùng ham muốn để dẫn dắt, sau mới khiến cho tiến vào Trí Phật...” 3- Dụng tâm ở trong phiền não như phạm phu thế tục, đây là Đạo thuộc về tâm quán sát, cũng không thích hợp mà lại là Đạo. 4- Giữ lại phiền não tưới thấm sinh tử nuôi lớn đạo Bồ-đề, cũng không thích hợp mà lại đúng, như kinh Tịnh Danh nói: “Không tiến vào biển rộng sinh tử thì không thể nào có được vật báu Nhất thiết trí...” 5- Ngay nơi tướng chính là Đạo, không giống với bốn nghĩa trước, bởi vì không thể nghĩ bàn, kinh Vô Hành nói: “Dâm dục tức là Đạo, sân giận-ngu si cũng lại như vậy.” Như vậy trong ba pháp đầy đủ tất cả pháp Phật, cũng là nghĩa này.

Mục 2- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử tác như thị...” trở xuống là nghi ngờ run sợ không tiếp nhận, không phải là tiếc thân mạng, mà sợ rằng sai lạc duyên Đạo, chỉ ra Trí chưa sâu xa cho nên nảy sinh ý nghĩ này. Trong văn: Trước là trình bày về duyên Đạo khó đầy đủ, trong đó: Lìa xa các nạn, không phải là trước Phật-sau Phật...; có thể không có nạn, không phải là đui điếc bẩm sinh...; đầy đủ các căn, nghĩa là Tín-Tiến... Sau từ “Thử tương phi...” trở xuống là đích thực nghi ngờ Ma phá hoại.

Trong mục 3- Từ “Tác thị niệm thời...” trở xuống là duyên thù thắng khuyên nhủ dẫn dắt, có mười ba Chúng đều kể lại từng được lợi ích giáo hóa của Thắng Nhiệt, cho nên khuyên nhủ đừng nghi ngờ.

Một Chúng đầu tức là Phạm Thiên ở cõi Sắc, phần nhiều là Thiên thứ nhất, trong văn có ba: a-Tổng quát khuyên nhủ đừng nghi ngờ; b-Từ “Kim thử...” trở xuống là làm sáng tỏ chủ ý của vị ấy, Trí tuệ kiên cố sắc bén giống như Kim Cang, đốt cháy củi của các phiền não, phát ra ngọn lửa của các Trí, đốt cháy mà thường vắng lặng là ánh sáng của Tam-muội; c-Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là tự thuật rõ về được lợi ích. Phạm Vương lúc đầu sinh ở nơi này, Chúng khác nghĩ đến sau đó sinh ra, cho nên sinh ra Tà kiến.

Năm Chúng tiếp theo là trời cõi Dục. Sáu Chúng tiếp theo là nhiều chủng loại, tất cả đều có và tiếp tục có dùng để chọn ra sai khác. Chúng mười ba là các Thiên chúng cõi Dục. Như vậy cõi Dục tức là một loại. Từ địa ngục ra, nghĩa bao gồm sáu tầng trời và Dạ-ma, Tứ Thiên Vương trước đây, trước vốn không nêu ra bởi vì đều ở trong đó.

Mục 4- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài văn như thị...” trở xuống là nghi ngờ không còn, hối hận về lỗi lầm.

Mục 5- Từ “Thời Bà-la-môn...” trở xuống là nhắc nhở khuyến khích nhìn thấy dung mạo, trên đây nghi ngờ là chọn ra thật-giả, ở đây khuyến khích là hiển bày về Thật đức. Ma cũng có thể hiện ra để khuyến khích, vì sao nghe thì nghi ngờ trừ diệt? Bởi vì Thiện hữu này là do Thiện hữu trước chỉ đến, hưởng hồ trong khuyến khích chính thức thuyết giảng không phải là Ma có thể thực hiện, mà Thiện Tài cũng có được ánh mắt vượt lên trên Ma. Nếu như vậy thì vì sao nảy sinh nghi ngờ? Bởi vì hiển bày về pháp, như Đức Phật bảy lần khuyến khích trong Địa thứ tám, dù cho Đức Phật không khuyến khích thì lẽ nào có thể hưởng đến vắng lặng hay sao? Lại bởi vì làm quỵ phạm của đời sau mà khiến cho quán sát tương tận.

Mục 6- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là dựa vào lời dạy tu

tập chứng đạt, trong đó có hai: a- Chính thức tu tập chứng được Vị Chí Định. Đạt được Tam-muội Thiện Trú, là trên không dựa vào núi, dưới không dựa vào lửa, đích thực ở giữa hư không tức là hiển bày về Bát-nhã, lia xa hai bên không trú vào nơi nào, cho nên gọi là Thiện Trú. Vui với tịch tĩnh Thần thông Tam-muội, là tự mình chứng được Thật Thể của Bát-nhã, tức là Niết-bàn thuộc về Tánh tịnh, cho nên gọi là vui với tịch tĩnh, mà Đại Dụng không có giới hạn cho nên nói là Thần thông. Xúc là tự mình chứng đạt, cho nên kinh Tịnh Danh nói: “Thọ nhận các Xúc như Trí chứng đạt.” b- Từ “Thiện Tài bạch ngôn...” trở xuống là tự bày tỏ về pháp đã đạt được, hiển bày về Hậu đắc trí phát khởi thuyết giảng.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có hai: 1- Khiêm tốn về mình; 2- Mở rộng Thắng tiến.

Trong mục 1- Khiêm tốn về mình, nói về Luân vô tận, có hai nghĩa: a- Trí Luân phá dẹp phiền não, soi chiếu nguồn gốc ấy mà không có gì có thể cùng tận; b- Trái với Dụng của Thường trí mà Dụng rộng khắp pháp giới không có tận cùng, xoay chuyển tròn vẹn mãi không thôi, cho nên gọi là Luân.

Mục 2- Mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau:

Sư Tử Phấn Tấn, là nơi ở của Sư Tử Tràng Vương, biểu thị cho tự tại Vô úy trú trì thế giới, chiếu rọi làm chấn động.

Đồng nữ Từ Hạnh, là nhận biết căn cơ của chúng sinh, lấy Từ làm Hạnh mà khiến cho điều phục.

Trong Trí sinh Bi thì có thể ở giữa thế gian mà không nhiễm theo, đó gọi là Đồng nữ, bởi vì học mười loại Trí của Như Lai.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 65 trong kinh).

Đoạn mười: Đồng nữ Từ Hạnh, Thiện hữu nương vào Quán Đánh Trú, vẫn có đủ sáu mục.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai:

Mục 1- Tu tập tiến vào giáo pháp trước đây, trong đó: Hai câu đầu là kính trọng Thiện hữu phát sinh hiểu biết. Hai câu tiếp là nghĩ đến Thừa, tư duy về Phật. Tiếp từ “Quán pháp...” trở xuống là Trí chứng đạt Thật tế, câu đầu là Trí có thể quán sát, từ “Hiện quyết định...” trở xuống là pháp đã chứng đến cuối cùng. Sau từ “Ư nhất thiết Phật...” trở xuống là tự tại lia xa chướng ngại.

Mục 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện

hữu tiếp sau, trong đó: Đầu là đến nơi, tiếp là nghe tên gọi. Năm trăm người làm thị giả, bởi vì đầy đủ phần vị trong một kỳ hạn, thâu nhiếp toàn bộ một trăm pháp môn ở năm phần vị, pháp trải qua tiến vào mà tương ứng với nhau.

Trong mục hai- Từ “Thiện Tài văn dĩ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có ba: 1- Trong nhìn thấy, trước là trình bày về nhìn thấy từ xa, biểu thị cho đạt được pháp môn mà chưa chứng; sau từ “Thiện Tài nhập dĩ...” trở xuống là đích thân nhìn thấy Y-Chánh... 2- Lễ chào cung kính; 3- Thưa hỏi, đều có thể biết.

Trong mục ba- Từ “Thời Từ Hạnh Đồng nữ...” trở xuống là chính thức chỉ ra pháp giới, có hai: 1- Khiến cho quán sát tự mình chứng đạt, đều là trong Y báo nhìn thấy Chánh báo, nhỏ-lớn, niệm-kiếp đều vô ngại..., bởi vì cuối cùng phần vị Thập Trú cho nên dựa theo Báo để hiển bày. 2- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là dùng lời để nêu ra rõ ràng, trong đó có hai: a- Hiển bày về nhân và tên gọi của pháp; b- Làm sáng tỏ về Dụng thù thắng của pháp.

Trong mục a- Hiển bày về nhân và tên gọi của pháp, có hai tiết: Một- Thiện Tài im lặng thưa thỉnh; Hai- Đồng nữ mở lời giải đáp.

Trong tiết hai là giải đáp, có hai:

Tiết 1- Nêu ra tên gọi, tên gọi Bát-nhã Phổ Trang Nghiêm, có hai nghĩa: a- Bởi vì Bát-nhã soi chiếu tất cả các pháp, trong Y có Chánh, trong một có nhiều, cho nên Y báo đã đạt được không có gì không hiện rõ. Trong kinh Bát Nhã nói: “Hiểu rõ Sắc là Bát-nhã, tất cả các pháp hướng về Sắc.” Tức là nghĩa ấy. b- Bởi vì có thể chứng được Bát-nhã đã đầy đủ các Độ trang nghiêm, cho nên đã chứng được-đã thành tựu cũng trang nghiêm vô tận.

Tiết 2- Hiển bày về nhân, nói rằng: Các Đức Như Lai ấy đều dùng môn khác nhau khiến cho tôi tiến vào. Đây chính là nghĩa ấy. Tổng quát thâu nhiếp ba mươi sáu Hằng-sa khác nhau, quy về Phổ Môn, thì một trang nghiêm tất cả đều trang nghiêm, cho nên gọi là Phổ Trang Nghiêm. Nói ba mươi sáu Hằng-sa, là phần vị Trú đã đầy đủ, thì mỗi một Độ trong sáu Độ đều có đủ sáu, cho nên trở thành ba mươi sáu, đều là Hằng-sa tánh đức trong Bốn giác mà xuất hiện, cho nên nói là mong cầu đạt được từ nơi Phật.

Mục b- Từ “Thiện Tài bạch ngôn...” trở xuống là hiển bày về Dụng thù thắng của pháp, có hai tiết: Một- Thưa hỏi; Hai- Giải đáp.

Trong tiết hai là giải đáp, có hai: 1- Tổng quát; 2- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt.

Trong tiết 1 là tổng quát, có hai:

Tiết a- Trình bày về tu tập phù hợp tương ứng với chứng.

Tiết b- Từ “Đắc phổ môn...” trở xuống là tổng quát trình bày về nghiệp dụng đã đạt được: Đà-la-ni dùng Trí làm Thể, bởi vì đạt được Bát-nhã Phổ Trang Nghiêm, cho nên có thể Tổng trì vạn pháp. Một Trì thì tất cả đều Trì, cho nên nói là Phổ Môn. Bởi vì Thập Trụ viên dung, cũng giống như vô lượng trăm ngàn A-tăng-kỳ môn Đà-la-ni mà Thập Địa đã đạt được. Vả lại, Thập Địa là tổng quát, ở đây là riêng biệt, chỉ nêu một Trì, những Tam-muội còn lại lược qua mà không nói đến.

Trong tiết 2 là riêng biệt hiển bày, có một trăm mười tám môn, tóm lược phân làm mười phần vị:

Một: Có tám môn, tổng quát nhận biết về Trì thuộc Y-Chánh, Lý-Sự.

Hai: Từ “Phước đức...” trở xuống có chín môn, trình bày về Trì thuộc Nguyên-Hạnh.

Ba: Từ “Nghiệp...” trở xuống có chín môn, trình bày về Trì thuộc Nghiệp.

Bốn: Từ “Tam-muội...” trở xuống có sáu môn, trình bày về Trì thuộc Thể-Dụng của Chánh thọ.

Năm: Từ “Tâm hải...” trở xuống có năm môn, trình bày về Trì thuộc các tâm nhiễm-tịnh.

Sáu: Từ “Tri chúng sinh...” trở xuống có mười môn, trình bày nhận biết về Trì thuộc chúng sinh đã giáo hóa.

Bảy: Từ “Phổ kiến thập phương...” trở xuống có mười bảy môn, trình bày nhận biết về Trì thuộc chủ động giáo hóa.

Tám: Từ “Thế giới thành...” trở xuống có mười bảy môn, trình bày nhận biết về Trì thuộc vô số quốc độ tự tại, trong đó nói thế giới chuyển, bản kinh thời Tấn nói: “Xoay chuyển thế giới.”

Chín: Từ “Kiến chư Phật...” trở xuống có hai mươi lăm môn, trình bày nhận biết về Trì thuộc vô lượng Phật tự tại.

Mười: Từ “Bồ-đề tâm...” trở xuống có mười hai môn, trình bày về Trì thuộc nhân quả Bồ-đề. Tự tâm thanh tịnh tức là tánh thanh tịnh của Bồ-đề, thâm nhiếp toàn bộ các môn không ra ngoài điều này.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau:

Đất nước tên gọi Tam Nhân, là Bồ thí làm Hạnh đứng đầu, lại giảng giải khuyên nhủ chính mình và người khác, như mắt dẫn dắt các căn khác, cho nên gọi là Nhân.

Tài thí không có tham trước thì thành tựu Tuệ nhãn, Vô úy thí thì thành tựu Từ nhãn, Pháp thí mở thông Pháp nhãn, cho nên lại nói là ba. Dùng ba mắt trên đây nhìn thấy tất cả đều là thiện.

Lại bên trong thực hành Bồ thí thành tựu, Báo thù thắng hiện rõ bên ngoài, người nhìn thấy đều là thiện cho nên phát ra Hạnh của Trú, vì vậy dùng người xuất gia để biểu thị. Lại nữa, căn bản của Hạnh vốn là khiến cho chúng sinh được giải thoát (Xuất ly).

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

Trên đây là trình bày về Thập Trú, xong.

Mục thứ ba- Bắt đầu từ Thiện Kiến trở xuống đến Biến Hành, có mười vị Thiện hữu nương vào phần vị Thập Hạnh, mỗi phần vị đều có **một người**.

Đoạn một: Tỳ-kheo Thiện Kiến, Thiện hữu nương vào Hoan Hỷ Hạnh, vẫn có đủ sáu mục.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai:

Trong mục 1- Nghĩ đến lời dạy của vị Thiện hữu trước đây, có mười ba câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt phân làm ba:

Mục a- Hai câu đầu dựa theo Bồ-tát luận về sâu xa: Một- Pháp giới đã chứng được, ngay nơi Sự mà Chân; Hai- Chỉ có tương ứng với chứng mà tiến vào Trí của Bồ-tát Địa.

Mục b- Bảy câu tiếp dựa theo chúng sinh phân rõ về sâu xa: 1- Bởi vì chủng loại quả báo khó nhận biết. 2- Bởi vì vọng tưởng làm nhân, tức là vô tánh. 3- Bởi vì hành nghiệp thuộc về phần nhiễm, chỉ Phật mới nhận biết. 4- Bởi vì cảm đến dị thực của Thức, hoặc là chủng tử hay là hiện hành, luôn luôn chuyển biến như dòng nước không thể nhận biết. 5- Bởi vì ảnh tượng đã biến hiện, hoặc là bên trong hay là bên ngoài, duyên đều vô tánh. 6- Bởi vì tên gọi không có được công dụng của vật, mà không mất đi tên gọi của vật. 7- Bởi vì văn tự ngôn thuyết đều là giải thoát.

Mục c- Ba câu sau hợp lại phân rõ về văn trước đây: 1- Hai phần nhiễm tịnh đều trang nghiêm pháp giới, mà không có gì trang nghiêm. 2- Bởi vì nghiệp thuộc hai phần trên đây không nhận biết nhau. 3- Bởi vì nhiễm-tịnh đều tự trang nghiêm, mà quả báo của thế gian không mất đi, tức là giống với Chân. Toàn bộ hai phần trên đây đều là Bát-nhã Ba-la-mật Phổ Trang Nghiêm, cho nên suy nghĩ về điều đó.

Trong mục 2- Hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau: Mong cầu khắp nơi phố chợ..., là hiển bày tùy duyên thành tựu tu, không nơi nào

không có mặt.

Trong mục hai- Từ “Kiến tại lâm trung...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có ba: 1- Nhìn thấy; 2- Lễ chào cung kính; 3- Thưa hỏi.

Trong mục 1- Nhìn thấy, có ba:

Mục a- Nhìn thấy tướng thù thắng của thân. Nhìn thấy ở rừng, là bởi vì bắt đầu của Hạnh. Giống như tướng Phật, là bởi vì như thuyết tu hành thuận theo quả Phật, trong đó bảy nơi bằng phẳng đầy đủ, là hai tay-hai chân-hai vai và cổ. Nói thân ấy thù thắng vì diệu như chư Thiên cõi Tịnh Cư, dựa theo bản kinh thời Tấn, tức là tướng ở thân trên của Sư Tử. Trên dưới thẳng thắn như cây Ni-câu-đà, dựa theo bản kinh thời Tấn nói: “Thân ấy viên mãn như cây Ni-câu-đà.” Đây thì chỉ là một tướng. Nói các tướng của vẻ đẹp tùy theo, trước đây chỉ nêu ra mười bốn tướng, bởi vì tổng quát kết luận. Mắt nhìn không chớp, ánh sáng tỏa tròn một Tâm, lại là hai tướng, cũng nêu ra mười sáu tướng mà thôi. Còn lại đến phần Thiện hữu Cù-ba sẽ giải thích.

Mục b- Từ “Trí tuệ...” trở xuống là trình bày về tướng của tâm: Tức là Chỉ-Quán cùng hiện hành, Chỉ quá mức thì chìm xuống, Quán quá mức thì nổi lên. Không chìm xuống-không nổi lên thì Chánh Thọ hiện rõ trước mắt, không trí-không ngu thì cả hai phù hợp với Trung đạo. Khởi niệm Chỉ-Quán đều thành động chuyển, cả hai không phải là tiếp tục loại bỏ, không lìa xa hý luận. Tuy Chỉ-Quán cùng vận dụng, mà không có tâm phân biệt vắng lặng-soi chiếu, thì tất cả đều dừng lại, là bước vào Đạo của Như Lai đã thực hành, tùy theo Đạo đã thực hiện tức là pháp môn.

Mục c- Từ “Vô lượng...” trở xuống là trình bày về những người đi theo hầu hạ, không có ai không biểu thị cho pháp, sợ rằng phức tạp cho nên không nói đến.

Mục 2- Lễ chào cung kính, có thể biết.

Mục 3- Thưa hỏi, vẫn có thể biết.

Trong mục ba-Từ “Thiện Kiến đáp ngôn...” trở xuống là chính thức chỉ ra pháp giới, có hai: 1- Chỉ ra pháp đạt được dựa vào duyên; 2- Từ “Hựu thiện nam tử...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng của pháp.

Mục 1- Chỉ ra pháp đạt được dựa vào duyên, có ba:

Mục a- Tổng quát trình bày. Bắt đầu tiến vào phần vị của Hạnh, cho nên nói là Niên thiếu, mới lìa khỏi nhà của Thập Trú gọi là xuất gia. Lại tiếp cận nói mình sinh ra ở đây, tóm lược có hai nghĩa: Một- Bởi

vì Niệm-kiếp viên dung, như nói ở phần Tỳ-mục; Hai- Hiển bày về tiến vào Giải-Hạnh sinh ra, không phải là thấy-nghe sinh ra. Cúng dường ba mươi tám Hằng-sa, là bởi vì vượt qua phần vị trước đây.

Mục b- Từ “Hoặc hữu...” trở xuống là trình bày về thời gian đã tu tập.

Mục c- Từ “Thính văn...” trở xuống là việc làm đã thành tựu lợi ích, trong đó: Đầu là tự mình tu tập về Hạnh thuộc Nguyên trí, tiếp là nhìn thấy Dụng của quả, sau là nhận biết về nhân tu tập của Phật.

Trong mục 2 là hiển bày về nghiệp dụng của pháp, có mười hai câu, đều trước là phân rõ về nghiệp dụng, sau là nêu ra nguyên cớ. Nhưng không nêu ra Hạnh thuộc Nguyên trí, như vẫn suy nghĩ điều này. Tổng quát nói là một niệm, bởi vì đạt được Trí không có nương tựa, không có nghĩ đến, cho nên tất cả các pháp đều hiện rõ.

Trong mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có hai:

Mục 1- Khiêm tốn về mình là kết thúc mục trước: Gọi là ngọn đèn tùy thuận, dùng Chân Trí không có nghĩ đến, thuận theo pháp-thuận theo căn cơ, tất cả đều soi chiếu.

Trong mục 2- Từ “Như chư...” trở xuống là mở rộng Thắng tiến: Đầu là câu tổng quát, cũng riêng biệt hiển bày về gia tộc thù thắng, bởi vì trước đây chỉ nói là đèn soi chiếu chưa hẳn thường xuyên, nay mở rộng trình bày về sinh ra ngọn đèn của Trí kim cương, tự mình chứng được Chân Như là chân chánh, thì thường xuyên soi chiếu, không giống với Giải-Hạnh sinh ra. Hai-Mạng của Báo thù thắng, bởi vì pháp đã chứng là thường xuyên, tức là nghĩa của Kim cương. Ba-Trí bên trong thù thắng, bởi vì không có tận diệt như đối với pháp đã chứng, tức là nghĩa của ngọn đèn. Bốn-Thể của Báo thù thắng, bởi vì pháp tánh thành tựu thân tướng cho nên không thay đổi, cũng là nghĩa của Kim cương. Năm-Từ “Hiện ư...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng thù thắng, tức là đối với nghĩa tùy thuận trước đây, bởi vì chính là Dụng ngay nơi Thể, đều không thể huỷ hoại. Còn lại đều có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, văn sau sẽ trình bày.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

Đoạn hai: Tự Tại Chủ, Thiện hữu nương vào Nhiều Ích Hạnh.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu:

Đất nước tên gọi Danh Văn, bởi vì có thể trì giới thanh tịnh, là quả của đời hiện tại.

Giữa bãi sông, là bởi vì nếu trì giới thanh tịnh thì không thể chìm nổi giữa dòng sông Ái sinh tử, mà dòng sông Vô lượng phước thường

xuyên chảy vào.

Đồng tử Tự Tại Chủ, là ba nghiệp không có sai trái, sáu căn lìa xa lỗi lầm, cho nên được tự tại, thì Giới làm chủ. Giới thanh tịnh không có tạp nhiễm, cho nên nói là Đồng tử.

Trong mục hai- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi: Nhìn thấy đồng cát, là hằng-sa công đức do Giới mà tích tập.

Mục ba- Từ “Tự Tại Chủ ngôn...” trở xuống là chính thức chỉ ra pháp giới, trong đó có hai: 1- Nêu ra tên gọi và Thể của pháp môn; 2- Từ “Thiện nam tử, ngã nhân...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng.

Mục 1- Nêu ra tên gọi và Thể của pháp môn. Pháp đã học từ Văn Thù, là có Trí cho nên có thể bảo vệ Giới.

Thư, là có thể giải thích rõ ràng về ngăn chặn và thực hiện (Chỉ-tác).

Số, là biểu thị về bốn lớp-mười lớp, cho đến ba ngàn oai nghi-tám vạn tế hạnh.

Toán, là mỗi một nhân cảm đến bao nhiêu quả.

Ấn, là giữ gìn và phạm vào (Trì-phạm), thiện-ác cảm đến quả quyết định.

Đẳng, là giống như Y phương còn lại mà thành tựu Ngũ minh.

Trước là trình bày về pháp đã học, sau là phân rõ về pháp đã tỏ ngộ. Công xảo-Thần thông đều là do Trí mà thực hiện, cũng biểu thị cho tu tập về Giới mà phát ra Định-Tuệ.

Trong mục 2 là trình bày về nghiệp dụng, có ba: a- Tổng quát trình bày; b- Từ “Diệc năng liệu...” trở xuống là xen lẫn phân rõ về các Minh; c- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là mở rộng hiển bày về nhận biết tính toán, trong đó: Đầu là phân rõ về số lượng có thể tính toán, sau từ “Thiện nam tử, ngã dĩ thử...” trở xuống là tính toán về số lượng đã tính toán ấy.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến; mục năm-Chỉ ra vị Thiện hữu sau; mục sáu-Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ giã, đều có thể biết.

Đoạn ba: Ưu-bà-di Cụ Túc, Thiện hữu nương vào Vô Vi Nghịch Hạnh.

Kinh thành tên gọi Hải Trú, bởi vì trú gần bên biển, bởi vì an trú nơi Nhẫn, như biển hàm chứa đầy đủ.

Thiện hữu tên gọi Cụ Túc, là trong một đồ đựng tất cả đều đầy đủ, bởi vì đồ đựng của Nhẫn chứa đựng toàn bộ tất cả các đức, nhẫn nhục

nhu hòa cho nên nương vào người nữ.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Từ “Thiện Tài văn dĩ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi:

Trong mục 1- Nhìn thấy, có bốn: a- Nhìn thấy Y báo bên ngoài. b- Nhìn thấy Chánh báo của Thiện hữu, đoạn chánh rất hoan hỷ là báo của Nhẫn, quần áo trắng... là Nhẫn sáng ngời rực rỡ mà trang nghiêm. c- Từ “U kỳ trạch...” trở xuống là nhìn thấy Y báo bên trong. d- Từ “Phục hữu...” trở xuống là trình bày về quyền thuộc của Thiện hữu, bởi vì vạn hạnh đều thuận theo Nhẫn.

Mục 2- Lễ chào cung kính; mục 3-Thưa hỏi, đều có thể biết.

Mục ba- Từ “Bỉ tức...” trở xuống là chính thức chỉ ra pháp giới, trong đó có hai:

Mục 1- Nêu ra tên gọi và Thể của pháp môn: Trong đồ đựng sinh ra vật mà trở thành phước vô tận, bởi vì phước đã dẫn đến xứng với pháp giới.

Trong mục 2- Từ “Năng ư như thị...” trở xuống là phân rõ về nghiệp dụng, có ba: a- Chính thức hiển bày về nghiệp dụng; b- Khiến cho nhìn thấy lợi ích giống nhau; c-Khiến cho tận mắt nghiệm đúng điều ấy.

Trong mục a- Chính thức hiển bày về nghiệp dụng, có ba tiết: Một-Lợi ích cho chúng sinh; hai-Lợi ích cho Nhị thừa; ba-Lợi ích cho Bồ-tát.

Tiết một- Lợi ích cho chúng sinh, cũng có ba:

*Tiết 1-*Tổng quát trình bày, bởi vì đầy đủ xứng với tánh, tức là một đồ đựng nhỏ dung thông giống như pháp giới, bởi vì duyên khởi vô tận, cho nên tất cả các Dụng đều thích hợp, tất cả thích hợp đều lợi ích, mà Thể của pháp giới ấy không có tăng giảm. Lại biểu thị cho Nhẫn thì nhất định phải tự mình thấp kém cho nên nhỏ bé. Pháp nhẫn và Như cùng một vị là một, bên trong Không-bên ngoài Giả là đồ đựng, Nhẫn có thể hàm chứa đầy đủ không có gì ở ngoài, cho nên tùy theo phát sinh vô tận.

Tiết 2- Từ “Xuất sinh...” trở xuống là riêng biệt trình bày về vị phát sinh.

Tiết 3- Từ “Như ẩm thực...” trở xuống là nêu ra một mà trở lại những điều khác.

Tiết hai- Từ “Hựu thiện nam tử, giả sử...” trở xuống là trình bày về lợi ích cho Nhị thừa, Nhị thừa tuy không thiết lập tên gọi của Nhẫn, mà

cũng Nhẫn tận cùng Lý vô sinh thì mới thành tựu về quả.

Tiết ba- Từ “Hựu thiện nam tử, Đông phương...” trở xuống là lợi ích cho Bồ-tát, dựa theo Sự như thọ nhận bát cháo sữa, dựa theo Pháp nghĩa là ăn bữa cơm của Nhẫn tịch diệt thuộc về phẩm Thượng mà đạt được Bồ-đề. Cơm thơm Hương Tích trong kinh Tịnh Danh cùng với kinh này giống nhau trên đại thể.

Mục b- Từ “Thiện nam tử, nữ kiến...” trở xuống là khiến cho nhìn thấy lợi ích giống nhau.

Mục c- Từ “Thả đãi...” trở xuống là khiến cho tận mắt nghiệm đúng điều ấy, có thể biết.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến; mục năm-Chỉ ra vị Thiện hữu sau; mục sáu-Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, vẫn đều có thể biết.

Đoạn bốn: Cư sĩ Minh Trí, Thiện hữu nương vào Vô Khuất Náo Hạnh.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai:

Mục 1- Dựa vào pháp trước đây mà tu tập đối trị.

Mục 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau:

Kinh thành tên gọi Đại Hưng, là bởi vì phát khởi Đại Tinh tiến.

Thiện hữu tên gọi Minh Trí, bởi vì chân tiến lên nhất định nhờ vào mắt Trí dẫn dắt.

Trong mục hai- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi: Trước là nhìn thấy ở ngã tư phố chợ, biểu thị cho nơi chốn ồn ào không làm cho trở ngại, mà tất cả đều thông suốt. Lễ chào cung kính và thưa hỏi, vẫn có thể biết.

Trong mục ba- Từ “Trưởng giả cáo...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, có ba:

Mục 1- Khen ngợi về công năng thù thắng của phát tâm.

Mục 2- Từ “Thiện nam tử, nữ kiến...” trở xuống là chỉ rõ quyền thuộc phát tâm mà mình đã giáo hóa. Sinh trong nhà của Như Lai, là cùng nhau sinh trong bốn Trú.

Mục 3- Từ “Thiện nam tử, ngã đắc...” trở xuống là chính thức chỉ ra pháp giới, trong đó có hai:

Mục a- Nêu ra tên gọi, Tài và Pháp vô tận tích chứa ở hư không, tùy ý mà cung cấp giúp đỡ, gọi là Tạng phước đức tùy ý sinh ra, cũng biểu thị cho nhìn thấy hư không mà tất cả đều đầy đủ.

Mục b- Từ “Phàm hữu...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng,

trong đó có hai tiết: Một- Tóm lược nêu ra. Hai- Từ “Thiện nam tử, thả đãi...” trở xuống là nêu ra sự việc hiện rõ để nghiệm đúng, trong đó: 1- Nhìn thấy Đại chúng quy tụ. 2- Từ “Nhĩ thời Cư sĩ...” trở xuống là mở rộng bố thí Tài-Pháp: a- Bố thí về Tài; b- Từ “Nhiên hậu...” trở xuống là bố thí về Pháp. Đối với bố thí một bữa ăn khiến cho thành tựu tám Hạnh: Hai Hạnh đầu dựa theo bố thí, sáu Hạnh còn lại dựa theo thức ăn.

Thức ăn có năm quả: Một- Đạt được như các pháp, tức là Tuệ mạng; Hai- Đạt được vui vẻ, tức là thường yên vui; Ba- Đầy đủ tướng tốt, tức là thường có sắc tướng; Bốn- Sáu căn tức là thường có sức mạnh; năm-Tức là thường có biện tài.

Nói về Tướng của mùi vị bậc Thượng, bởi vì hàm răng có nguồn Cam lộ. Còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

Mục bốn- Từ “Nhĩ thời Cư sĩ...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau.

Kinh thành tên gọi Sư Tử Cung, là Thiên định không có tán loạn như ở cung thành sâu xa ấy, là pháp quyết định đã thuyết giảng, tác dụng không sợ hãi cho nên dùng làm tên gọi.

Thiện hữu tên gọi Pháp Bảo Kế, bởi vì thâm nhiếp các niệm tán loạn ở trên đỉnh cao của tâm. Định hàm chứa Trí sáng ngời, thêm vào tên gọi là Bảo, dùng Dụ để hiển bày về Pháp, gọi là Pháp Bảo Kế.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 66 trong Kinh).

Đoạn năm: Pháp Bảo Kế, Thiện hữu nương vào Vô Si Loạn Hạnh.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, vẫn có thể biết.

Mục hai- Từ “Kiến thử Trưởng giả...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi.

Nhìn thấy trong phố chợ, là biểu thị cho thường Định, ở giữa chốn ồn ào hỗn loạn mà quên hết mọi vướng mắc trong tâm.

Mục ba- Từ “Nhĩ thời Trưởng giả...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, trong đó có bốn: 1- Cầm tay dẫn đi, tức là phương tiện trao cho pháp, hiển bày Trí gia hạnh mà quy về chính thức chứng đạt. 2- Từ “Tác như thị...” trở xuống là chỉ ra pháp đã trú vào, tức là chính thức trao cho pháp giới. 3- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài kiến kỳ...” trở xuống là chính thức chứng được Pháp giới. 4- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài kiến thị...”

trở xuống là thưa hỏi và giải đáp về nhân duyên, tức là Hậu đắc trí.

Hai mục 1 và 2, có thể biết.

Trong mục 3 là chính thức chứng được Pháp giới, có hai: a- Tổng quát; b- Từ “Thiện Tài nhập dĩ...” trở xuống là riêng biệt.

Mục a-Tổng quát: Mười tầng-tám cửa, là như hình dạng tòa Tháp tám cạnh. Tầng và cửa đều có ba nghĩa. Ba nghĩa của mười Tầng giải thích trong riêng biệt.

Ba nghĩa của tám cửa: 1- Tổng quát dựa theo Đạo đã tu tập, dùng tám Chánh Đạo làm cửa, bởi vì tám Chánh đạo mở thông tiến vào các phần vị. 2- Dựa theo Đạo đã dựa vào, tức là dùng tám Thức làm cửa, bởi vì từ trong Nhân căn tiến vào Chánh định, nếu căn có thể tiến vào thì cảnh có thể nhận biết. 3- Dựa theo Giáo hiển bày Lý, tức là bốn câu phân biệt tiến vào Pháp, Giáo-Lý đều có bốn cho nên có tám cửa, nghĩa là nếu lạc mất ý thì Hữu-Không đều phai mờ, liền trở thành bốn loại bài báng, đạt được ý tiến vào thông suốt đều gọi là cửa, suy tìm Giáo đạt được Giải tức là bốn môn thuộc về Giáo, đối với Lý đạt được Giải tức là bốn môn thuộc về Lý.

Trong mục b: là riêng biệt. Ba nghĩa của mười Tầng:

Nghĩa thứ nhất: Biểu thị cho Thập Địa:

Tầng một- Bồ thí thức ăn, hiển bày về hạnh Bồ thí của Địa thứ nhất.

Tầng hai- Địa thứ hai là hạnh Trì giới, dùng Tàm-Quý làm y phục.

Tầng ba- Địa thứ ba là hạnh Nhẫn nhục, dùng làm đồ vật trang nghiêm.

Tầng bốn- Địa thứ tư là Đạo phẩm làm quyến thuộc bên trong, hạnh Tinh tiến đáng quý trọng.

Tầng năm- Địa thứ năm, văn hiển bày rõ ràng.

Tầng sáu- Địa thứ sáu là Bát-nhã hiện rõ trước mắt, trong văn có ba tiết:

Tiết một- Tổng quát.

Tiết hai- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về mười lăm môn:

1- Soi chiếu Thể ngay nơi vắng lặng mà tất cả đều đầy đủ.

2- Soi chiếu ngay nơi vắng lặng mà không có căn cơ nào không soi rõ.

3- Duyên bên ngoài không chuyển đổi.

4- Soi chiếu bên trong không có mong cầu.

- 5- Cảnh phiền não không phá trừ.
- 6- Phá trừ tất cả các phiền não.
- 7- Hàm chứa đầy đủ các đức thù thắng mà rất sâu xa.
- 8- Nhìn thấy tất cả pháp giới mà không có gì ngăn ngại.
- 9- Một tức là vô tận.
- 10- Khéo léo hóa hiện vô biên.
- 11- Bên trong chứng đạt thế gian.
- 12- Bên ngoài diễn thuyết biện tài thù thắng.
- 13- Uyển chuyển tùy theo mong muốn của chúng sinh.
- 14- Sự và Lý đan xen lẫn nhau.
- 15- Quán sát về duyên trao cho pháp.

Tiết ba- Từ “Thuyết như vậy...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Tầng bảy-Địa thứ bảy có Hạnh thù thắng, nhận biết đủ loại giáo pháp, cho nên nói là đạt được Như Hưởng Nhẫn (Nhẫn như tiếng vang).

Trong tầng tám hàm chứa hai phần vị: 1- Địa thứ tám là Thần thông tùy ý vận dụng tự nhiên (Vô công dụng), tự tại với ba loại thế gian; 2- Tức là Pháp Sư ở Địa thứ chín, một âm thanh có thể diễn thuyết.

Tầng chín- Cũng có hai phần vị, bởi vì Địa thứ mười và Đẳng giác đều có thể làm một đời.

Tầng mười- Tức là Như Lai Địa.

Nghĩa thứ hai: Biểu thị cho Thập Hạnh, bởi vì Thập Hạnh tức là mười Độ: Bảy Hạnh trước, văn hiển bày rõ ràng. Hạnh tám là do Đại Nguyên mà thành tựu Thần thông... Hạnh chín là Lực tối thượng của Nhất sinh Bồ xứ. Hạnh mười là chỉ đạt đến Trí của Như Lai mới đầy đủ. Đây tức là ngay nơi phần vị tự nhiên thâm nhiếp các phần vị, bởi vì hướng về thâm nhiếp Thập Địa, tức là thâm nhiếp các phần vị sau. Bởi vì mười tầng cùng biểu thị cho hai nghĩa, cũng như Thiện hữu Hải Tràng, ngay phần vị ấy thâm nhiếp toàn bộ mười phần vị vừa mới kết thúc mà nói là thành Phật. Trước thâm nhiếp nương vào phần vị thứ sáu, ở đây thâm nhiếp nương vào phần vị thứ năm. Trước thâm nhiếp dựa theo Chánh báo, ở đây thâm nhiếp dựa theo Y báo, đều hiển bày phần vị hơn hẳn phần vị trước.

Nghĩa thứ ba: Tổng quát không biểu thị cho phần vị, nhưng Bồ-tát này dùng Hạnh dựa vào căn cơ, hiện rõ ở Báo thù thắng dần dần tăng thêm thù thắng.

Mười tầng là hiển bày về Vô tận: Bốn tầng đầu là dùng vật để bố thí, những tầng sau dần dần khó hơn. Hai tầng tiếp là tích tập về Pháp

thí, trước thì cạn-sau là sâu. Hai tầng tiếp là đạt được pháp, đầu là hẹp-sau thì rộng. Hai tầng sau là hiện rõ đức thù thắng, trước là nhân-sau là quả. Toàn bộ các pháp Nhân-Quả-Hạnh-Vị... thuộc về ba nghĩa trên đây, dùng làm ngôi nhà của Trưởng giả.

Trong mục 4: Là thưa hỏi và giải đáp về nhân duyên: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Hồi hướng ba nơi, nghĩa là lia xa bản cùng dẫn đến Báo của bốn tầng trước, hai quả thứ hai-thứ ba tức là sáu tầng sau, bởi vì Nguyên lực thuộc nhân nhỏ bé của một bữa ăn cho nên cảm được Báo thù thắng. Lại biểu thị cho vạn hạnh tự nhiên dung thông phát khởi hướng về Phật, thì tùy theo một Hạnh mà tất cả đã đầy đủ rồi, quả nào không cảm đến?

Mục bốn- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến.

Mục 1- Khiêm tốn về mình, nói rằng những Bồ-tát là vật báu của thế gian, Tam Bảo tích chứa trong mười tầng, cho nên nói là Bảo Tạng, thường xuyên sử dụng mà không hề cạn kiệt là bởi vì phước đức vô lượng.

Trong mục 2- Mở rộng Thắng tiến, ngay nơi pháp hiển bày về thù thắng: Bởi vì công đức của Bảo Tạng đều không thể nghĩ bàn, tức là câu tổng quát. Từ “Nhập vô phân biệt...” trở xuống là riêng biệt trình bày, do không có phân biệt mà đầy đủ các pháp, cho nên không thể nghĩ bàn.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, văn hiển bày có thể biết.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

Đoạn sáu: Trưởng giả Phổ Nhân, Thiện hữu nương vào Thiện Hiện Hạnh.

Đất nước tên gọi Đẳng Căn, là rễ của cây mây ăn sâu vào lòng đất, phía trên nảy mầm tươi tốt, biểu thị cho Bát-nhã khéo léo hiện hành chứng đạt sâu xa, có thể phát sinh Hậu đắc trí, Hậu đắc trí tùy theo chúng sinh mà chuyển, cho nên dùng chọn lấy tương tự với cây mây.

Kinh thành tên gọi Phổ Môn, là Thật tướng Bát-nhã không có gì không thông suốt.

Trưởng giả tên gọi Phổ Nhân, là Quán chiếu Bát-nhã cho nên tất cả đều nhìn thấy.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu: Nói tiến sâu vào vô lượng tri kiến của chư Phật, Vô lượng có hai nghĩa: 1- Bởi vì nhiều tức là cảnh thuộc về Quyền Trí. 2- Bởi vì không có phần lượng tức là cảnh thuộc về Thật Tuệ. Cảnh vô lượng cho nên Trí cũng vô

lượng. Tri kiến cũng có hai nghĩa: 1- Riêng biệt, nghĩa là Tri tức là Trí, Kiến tức là Tuệ, chính là Trí Tuệ soi chiếu thuộc về hai cảnh. 2- Tổng quát, nghĩa là hai chữ Tri Kiến đều là pháp có thể chứng đạt của Như Lai, bởi vì nhận biết đúng như thật về nghĩa ấy, tức là Trí không có gì chướng ngại.

Nếu như vậy thì đâu cần phải nói lặp lại? Bởi vì chọn ra nhận biết tương tự cho nên nói là Kiến, bởi vì chọn ra cái thấy của Nhục nhãn cho nên nói là Tri. Điều này như luận Bát Nhã của Thế Thân giải thích: “Nhận biết tất cả, nhìn thấy tất cả.”

Nhập nghĩa là chứng đạt, những câu còn lại dễ hiểu, có thể biết.

Trong mục hai- Từ “Nhiên hậu nãi đắc...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi.

Đầu tiên nhìn thấy Y-Chánh: Trăm ngàn làng xóm vây tròn xung quanh, là quyền thuộc Bát-nhã.

Những bức tường thấp trên mặt thành cao vút (Trĩ điệp), là Bát-nhã ngăn ngừa sai trái, cao mà không có gì cao hơn, năm Bản gọi là Đổ, năm Đổ gọi là Trĩ, Điệp tức là bờ tường thấp có những khe ngấm bắn hình thước thợ trên mặt thành (Nữ tường).

Ngã tư đường rộng rãi bằng phẳng, là Bát-nhã chư Phật thường hành, không phải quyền biến hạn hẹp mà mênh mông không có giới hạn.

Mục ba- Từ “Trưởng giả cáo...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp: 1- Khen ngợi; 2- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình.

Trong mục 2 có hai: a- Có thể chữa lành bệnh, thì dưới là giáo hóa chúng sinh; b- Từ “Thiện nam tử, ngã hựu...” trở xuống là trình bày có thể Hợp Hương, thì trên là cúng dường chư Phật.

Mục a- Có thể chữa lành bệnh, thì dưới là giáo hóa chúng sinh, có hai tiết: Một- Trừ hết căn bệnh của thân; Hai- Chữa trị căn bệnh của tâm.

Trong tiết một- Trừ hết căn bệnh của thân, có hai: 1- Tất cả đều có thể chữa trị; 2- Từ “Thiện nam tử, thập phương...” trở xuống là người đến đều chữa trị, bao gồm trao cho niềm vui của thân.

Tiết hai- Từ “Nhiên hậu hợp vi...” trở xuống là chữa trị căn bệnh của tâm, cũng có hai: 1- Trình bày về trừ diệt phiền não, nghĩa bao gồm Đại-Tiểu; 2- Từ “Vi dục linh kỳ...” trở xuống là khiến cho thành tựu lợi ích. Ở đây chỉ riêng Đại thừa, có mười sáu câu:

Đầu là năm câu bao gồm hiển bày về Hạnh-Nguyện thuộc Đại

tâm.

Tiếp là mười câu riêng biệt trình bày về nhân của mười Độ, cảm được quả của mười Thân: Bồ thí thỏa mãn tâm nguyện người khác, cho nên tướng tốt làm chúng sinh vui sướng. Trì giới ngăn chặn tất cả điều ác, cho nên thân thanh tịnh đến khắp mọi nơi. Nhẫn nhục đầy đủ lý của Nhẫn, cho nên không thể nghĩ bàn. Tinh tiến thúc đẩy vạn hạnh, cho nên không có gì có thể hơn được. Thiền định chỉ do nhất tâm, cho nên không có gì sánh bằng. Bát-nhã soi chiếu Lý, cho nên Pháp thân hiển bày. Phương tiện hiển bày về Dụng, cho nên Sắc thân có thể nhìn thấy. Nguyện cùng tận thời gian vị lai, cho nên trú trong đời kiếp không có cùng tận. Lực không có thể lay động, cho nên biết rõ vượt qua tất cả. Trí cùng tận về pháp thuộc Sự, cho nên thành tựu thân tùy theo chúng sinh.

Sau là một câu tổng quát về lìa xa các pháp ác, cho nên hoàn toàn thanh tịnh vi diệu.

Trong mục b- Hạnh hưởng lên trên cúng dường chư Phật, có ba tiết:

Tiết một- Nhận biết về Thể của Hương: Tân Đầu, tức là dòng sông Tín Độ. Ba-la, là bờ sông, tức là hương của bờ sông ấy. A-lô-na Bạt-để, Trung Hoa nói là Xích Sắc Cực (Màu đỏ tươi). Ô-lạc-ca, là tên gọi loài rắn ở Tây Vực, loài rắn này có chất độc mà quán quanh cây Đàn hương này. Hoà hợp, là Giới-Định-Tuệ đều dung thông không có gì ngăn ngại.

Tiết hai- Thiết lễ cúng dường khởi Nguyện, có thể biết.

Tiết ba- Có thể thành tựu cúng dường rộng lớn, văn hiển bày có thể biết.

Trong mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến: Khiêm tốn về mình chỉ nhận biết trong một phần, nghĩa là trừ diệt căn bệnh của thân tâm, thành tựu niềm vui của hai đời, cho nên đều hoan hỷ, dùng hương thơm cúng dường tất cả, đạt được mười thân của Phật, thì Đức Phật nào không nhìn thấy?

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, văn hiển bày có thể biết.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

Đoạn bảy: Quốc vương Vô Yếm Túc, Thiện hữu nương vào Vô Trước Hạnh.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu: 1- Nghĩ đến lời dạy thành tựu lợi ích; 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau.

Đã đi vào đất nước ấy thì nhất định phải nghe đến chính sách của Quốc vương ấy.

Nói Đa-la, Trung Hoa nói là Minh Tịnh. Tràng là kiến lập, biểu thị cho Hạnh không có tham đắm, dựa vào Bát-nhã thanh tịnh sáng ngời mà thiết lập về Hạnh thù thắng.

Quốc vương tên gọi Vô Yếm Túc, là phương tiện như huyễn giáo hóa mà không có gì tham đắm, cho nên tâm không có gì mệt mỏi chán nản.

Trong mục hai- Từ “Dao kiến...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi.

Mục 1- Nhìn thấy, có bốn: a- Nhìn thấy Y-Chánh thù thắng. b- Từ “Kỳ tiền hậu hữu...” trở xuống là nhìn thấy giáo hóa ngược lại của vị ấy. c- Từ “Thiện Tài kiến dĩ...” trở xuống là không hiểu rõ mà sinh lòng nghi ngờ. d- Từ “Tác thị niệm thời...” trở xuống là chư Thiên giữa hư không nói rõ cho biết.

Trong mục d có hai tiết: Một- Khiến nhớ lại lời dạy chân thật trước đây, để cho không sinh lòng nghi ngờ. Hai- Từ “Thiện nam tử, Bồ-tát thiện xảo...” trở xuống là phân rõ về Hạnh sau này là sâu xa huyền diệu khiến cho tin tưởng tiến vào.

Nhưng Thiện Tài tuy thường ghi nhớ lời dạy mà sinh lòng nghi ngờ, là bởi vì Hạnh trái ngược khó nhận biết. Tham lợi ích của thế gian này thì Bà-tu không nghi ngờ gì; bởi vì nóng giận ngu si mà hiện tại phải chịu tổn hại, cho nên Thắng Nhiệt và Quốc vương này đều sinh lòng nghi ngờ quái lạ. Nói sâu xa huyền diệu là bởi vì thông hiểu rõ ràng trái với Đạo.

Trong Lương Nhiếp Luận ở phần Giới Học, trình bày rằng: “Bồ-tát thực hành trái ngược như sát sinh..., đã không có sai lầm mà còn phát sinh vô lượng phước đức, đạt được Bồ-đề Vô thượng, phải là Đại Bồ-tát mới có thể thực hành sự việc này. Hạnh này có hai loại: 1- Thật hạnh; 2- Biến hóa. Thật hạnh là nhận biết rõ ràng người trước mặt mình nhất định gây ra nghiệp Vô gián, không có phương tiện nào khác khiến cho lìa xa tội ác này, chỉ có thể đoạn dứt mạng sống để cho không gây ra tội ác ấy. Lại nhận biết người trước mặt mình, nếu xả bỏ mạng sống rồi chắc chắn sinh vào đường thiện. Bồ-tát lại tự nghĩ rằng: Mình đã gây nghiệp giết hại, chắc chắn rơi vào địa ngục mà nhận chịu khổ đau nơi ấy, người ấy tuy hiện tại nhận chịu một chút khổ đau, mà đời sau chắc chắn nhận được quả báo vui sướng.” Trong phẩm Giới ở phần Bồ-tát Địa của luận Du Già, cũng giống như luận này nói.

Nói về Biến hóa, tức là văn này, sau Quốc vương tự nói.

Mục 2- Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là lễ chào cung kính và thưa hỏi, có thể biết.

Trong mục ba- Từ “Thời A-na-la...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, có hai:

Mục 1- Phương tiện trao cho pháp, cầm tay cùng ngồi là chỉ ra lễ nghi không gián đoạn, biểu thị thâm nhiếp gia hạnh ấy, mà khiến cho hướng về Chân.

Mục 2- Từ “Cáo ngôn...” trở xuống là chính thức chỉ ra pháp giới, khiến cho tương ứng với chứng, trong đó có bốn:

Mục a- Nêu ra quả khiến cho tiến vào.

Mục b- Từ “Thời A-na-la vương cáo Thiện Tài...” trở xuống là dùng Thật để hiển bày về Quyền.

Mục c- Từ “Thiện nam tử, ngã đắc...” trở xuống là chỉ ra pháp đã đạt được, trong đó: Đầu gọi là Như huyễn, bởi vì hiểu rõ chúng sinh như huyễn, dùng huyễn ảo mà giáo hoá huyễn ảo; tiếp từ “Ngã thử quốc...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng của pháp môn; sau từ “Ngã dĩ như thị...” trở xuống là trình bày về lợi ích thù thắng của pháp môn.

Mục d- Từ “Thiện nam tử, ngã thân ngữ...” trở xuống là thẳng thắn hiển bày Từ niệm sâu sắc thuộc về Thật đức.

Nhưng các phần vị đến phần vị thứ bảy đều là phương tiện, Hư Xả quán sát tự tại về hoa trên cây nở rộ, phần nhiều dựa theo Từ Bi.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến.

Mở rộng Thắng tiến nói Vô sinh Nhẫn, là bởi vì hiểu rõ như huyễn mới chứng được Nhẫn này. Lại bởi vì trong phần vị sau vốn là Nhẫn này.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, có thể biết.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, văn hiển bày có thể biết.

Đoạn tám: Quốc vương Đại Quang, Thiện hữu nương vào Nan Đắc Hạnh.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu: 1- Nghĩ đến pháp trước đây; 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau.

Trong mục 2 có hai: a- Suy xét tìm tòi nhất định nhận biết. Kinh thành tên gọi Diệu Quang, phần vị trước là Bi tăng trưởng, nay đạt được Diệu Tuệ vô trú mà chuyển vận chúng sinh. Quốc vương tên gọi Đại Quang, bởi vì Trí của Từ Định không có gì không đầy đủ, cho nên trong

Nguyên rộng lớn đều soi chiếu tận cùng. b-Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử...” trở xuống là tự mừng cho mình có được lợi ích.

Mục hai- Từ “Tác thị niệm dĩ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi:

Trong mục 1- Nhìn thấy, có ba:

Trong mục a- Nhìn thấy Y báo, có hai tiết:

Tiết một- Y báo thù thắng đã nhìn thấy, nói mười Do-tuần là muốn trình bày về viên mãn. Đã có mười Úc con đường rộng lớn, con đường đều có vô lượng chúng sinh, lẽ nào mười tiểu Do-tuần của thế gian mà có thể tiếp nhận hay sao? Vì vậy sự vật trong này đều thuận theo viên mãn, biểu thị cho pháp như Lý, suy nghĩ về điều này!

Tiết hai- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là chủ động nhìn thấy không có gì tạp nhiễm.

Mục b- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là nhìn thấy Chánh báo của Quốc vương: Ở ngã tư đường, là bởi vì bốn Vô lượng dùng bốn Nhiếp pháp để thâm nhiếp chúng sinh. Hai mươi tám tướng, là bởi vì nhân chưa đầy đủ.

Mục c- Từ “Ư vương tòa tiền...” trở xuống là Chủ-Bạn thâm nhiếp chúng sinh, trong đó cũng có ba tiết: Một- Nêu ra chúng sinh đã bố thí bao gồm Hữu tình và Phi tình, nghĩa về sáu mươi bốn loại công năng, nói như trong phần riêng biệt. Hai- Từ “Nhất nhất đạo...” trở xuống là trình bày về người có thể bố thí, tức là Trợ bạn. Ba- Từ “Vi dục phổ nhiếp...” trở xuống là trình bày về ý nghĩa của bố thí.

Mục 2- Lễ chào cung kính; mục 3-Thưa hỏi, văn hiển bày có thể biết.

Trong mục ba- Từ “Thời vương cáo...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, có ba: 1- Tổng quát chỉ ra pháp môn, nghĩa là Đại Từ xuất hiện đầu tiên, lìa xa tạp nhiễm mà viên mãn. 2- Từ “Thiện nam tử, ngã ư...” trở xuống là trình bày về nhân duyên đạt được pháp, vấn nạn là Văn tuệ, dùng ba loại Tuệ để trang nghiêm cho tâm Từ này. 3- Từ “Thiện nam tử, ngã dĩ thử...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng của pháp môn.

Trong mục 3 có năm: a- Dùng pháp để thâm nhiếp giáo hóa. b- Từ “Ngã quốc độ trung...” trở xuống là dùng Vô úy để thâm nhiếp. c- Từ “Nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là dùng tài sản quý báu để thâm nhiếp. d- Từ “Thử Diệu Quang thành...” trở xuống là tùy theo căn cơ thâm nhiếp tất cả. e- Từ “Thiện nam tử, thử quốc độ trung...” trở xuống là dùng Tam-muội để thâm nhiếp.

Trong mục e có hai tiết: Một- Dùng lời nói để nói cho biết. Hai- Từ “Thời Đại Quang vương...” trở xuống là chính thức dùng Định để thị hiện hiển bày về nghiệp dụng của Định. Hữu tình và Phi tình đều thành tựu lợi ích thù thắng, nghĩa là Đồng Thể Đại Từ, chúng sinh và mình không hai, như đức của vua ở thế gian hợp với trời đất, thì Kỳ lân-Phượng hoàng thể hiện lễ tiết, tường vách quý báu hiện rõ điềm lành; huống hồ đối với Từ lực xuất thế gian, không khiến cho cỏ cây phải quỳ gối hay sao?

Mục bốn- Từ “Thời Đại Quang vương từng Tam-muội...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến: Trước là khiêm tốn về mình chỉ nhận biết một pháp môn, Từ chủ yếu vì chúng sinh gọi là thuận theo thế gian, cao vượt lên các hành cho nên gọi là đầu tiên, tức là nghĩa của Tràng.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, có thể biết.

Mục sáu- Lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già, văn hiển bày có thể biết.

Đoạn chín: Ưu-bà-di Bất Động, Thiện hữu nương vào Thiện Pháp Hạnh.

Từ lúc phát tâm cho đến đối với tất cả các pháp, không lúc nào không đạt được Định, cho nên phiền não-Nhị thừa không thể làm cho lay động, cũng khiến cho tâm của chúng sinh không lay động.

Bởi vì dùng Trí để tu pháp Từ, thị hiện theo người nữ an trú ở Vương đô, vốn là phần vị Vương tử. Trí phù hợp với Thật pháp, không hủy hoại vì duyên, gọi là An trú.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai: 1- Y theo lời dạy; 2- Hướng đến mong cầu.

Trong mục 1- Y theo lời dạy, có năm mục:

Mục a- Suy nghĩ tu tập về pháp trước đây.

Mục b- Từ “Sinh hoan hỷ...” trở xuống là nhờ vào tu tập đạt được lợi ích, không vẫn đục là dựa theo không có người khác, thanh tịnh là dựa theo Tự Thể.

Mục c- Từ “Như thị tư duy...” trở xuống là suy ra công lao thuộc về Thiện hữu, đến đây chú trọng về Bi là bởi vì tu tập pháp Bi sắp đầy đủ.

Mục d- Từ “Hựu tác thị niệm...” trở xuống là mở rộng ca ngợi về năng lực của Thiện hữu.

Mục e- Từ “Thiện Tài Đồng tử như thị bi ai...” trở xuống là duyên thù thắng phù hợp khuyến khích, trong đó:

Trước là phù hợp, chữ Thiên sử dụng hai nơi, bởi vì bản dịch thời Tấn nói rằng: “Như Lai khiến cho chư Thiên đi theo Bồ-tát.” Chư Thiên đi theo Bồ-tát, chư Thiên là Thần thuộc về nghiệp hạnh của mình, Như Lai khiến cho chư Thiên, là Phật lực thâm nhiếp Thần của chúng sinh, chỉ người đã ở phần vị Tu hành, đều có hai vị Thiên luôn luôn đi theo người ấy.

Sau từ “Nhữ khả nghệ...” trở xuống là khuyến khích đi đến vị Thiện hữu tiếp sau.

Mục 2- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử từng bỉ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau, có thể biết.

Mục hai- Từ “Nhập kỳ xá nội...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi:

Trong mục 1- Nhìn thấy, phân hai: a- Nhìn thấy Y báo đạt được lợi ích; b- Từ “Thiện Tài Đồng tử tiền nghệ...” trở xuống là nhìn thấy Chánh báo tuyệt vời khác thường.

Mục 2- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài khúc cung...” trở xuống là lễ chào cung kính và thưa hỏi, có thể biết.

Mục ba- Từ “Thời Bất Động...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, trong đó: 1- Khen ngợi; 2- Từ “Thiện nam tử, ngã đắc...” trở xuống là chính thức trao cho pháp giới.

Trong mục 2, có hai: a- Nêu ra tên gọi và Thể của Pháp môn; b- Từ “Thiện Tài Đồng tử ngôn...” trở xuống là đưa ra cảnh giới của nghiệp dụng.

Mục a- Nêu ra tên gọi và Thể của Pháp môn, không giống như nêu ra trước đây, mà đưa ra năm pháp, bởi vì cũng giống như phần vị Pháp Sư là Địa thứ chín, vì vậy cần phải mở rộng nhận biết.

Trong năm pháp, đầu là hai pháp đã duy trì về đức bên trong:

Một: Trí tuệ không có ràng buộc mà chỉ gọi là Giải thoát. Có Trí thì phiền não không thể phá hoại. Giữ lấy đằm theo không có năng lực hơn hẳn, cho nên nói là khó phá trừ điều phục. Trí này tiếp nhận đầy đủ, cho nên gọi là Tạng.

Hai: Thọ trì kiên cố chỉ có được tên gọi của Hạnh, nghĩa là gặp phải chúng sinh xấu ác mà có thể nhẫn nhịn chịu đựng, sinh vào tất cả các nẻo mà tâm không mê muội, cho nên gọi là Kiên cố.

Ba: Tức là pháp môn có thể thọ trì để tiến sâu vào, đạt được Địa của pháp tánh thì tất cả đều đã thọ trì rồi.

Bốn: Tức là giáo hóa bên ngoài, bởi vì tư duy đúng đắn về pháp của Phật, soi chiếu rõ ràng sai biệt, cho nên đạt được Biện tài, có thể

chuyển pháp luân, hợp với mong muốn của chúng sinh.

Năm: Tức là hướng lên trên mong cầu, một lòng mong cầu giáo pháp, cho nên nói là Tam-muội, vì vậy gần Phật mà không hề thỏa mãn, tiếp nhận giáo pháp mà không hề đầy đủ.

Trong mục b là đưa ra cảnh giới của nghiệp dụng, có bốn tiết: Một- Đưa ra thưa hỏi; Hai- Hiện bày khó hiểu; Ba- Trở lại thưa thỉnh; Bốn- Mở rộng giải đáp.

Trong tiết bốn là mở rộng giải đáp, có hai: 1- Trình bày về nhân duyên đạt được pháp để làm sáng tỏ sâu xa, giải thích về mục khó nhận biết trên đây. 2- Từ “Thiện nam tử, ngã đắc Bồ-tát cầu nhất thiết...” trở xuống là hiện bày về nghiệp dụng để giải đáp câu hỏi ở mục một.

Tiết 1- Trình bày về nhân duyên đạt được pháp, phân sáu:

Tiết a- Nêu ra xưa được thấy Phật, làm duyên của phát tâm.

Tiết b- Từ “Tiện tùng lâu...” trở xuống là bên trong phát khởi quán sát suy nghĩ, làm nhân của phát tâm: Trước là quán sát, sau là suy nghĩ. Suy nghĩ về Phước-Trí... tức là nhân của năm pháp trước đây. Thần thông tự tại là Hạnh kiên cố.

Tiết c- Từ “Thiện nam tử, nhĩ thời...” trở xuống là Đức Phật khuyến khích phát tâm, có mười loại tâm có thể thành tựu năm pháp trước đây: Hai loại đầu là thành tựu Trí tuệ, một loại tiếp là thành tựu Tổng trì, hai loại tiếp là thành tựu Thần thông, hai loại tiếp là thành tựu Tam-muội, ba loại sau là thành tựu Biện tài. Trên đây, chọn lấy mười câu này để giải thích về năm pháp môn.

Tiết d- Từ “Thiện nam tử, ngã ư bỉ...” trở xuống là chính thức trình bày về phát tâm kiên cố.

Tiết e- Từ “Ngã phát thị tâm dĩ lai...” trở xuống là trải qua thời gian lâu dài không có gì làm trái.

Tiết f- Từ “Ngã tùng thị lai...” trở xuống là làm sáng tỏ về lợi ích thù thắng của phát tâm, tức là quả của năm nhân trước đây.

Trong tiết 2 là hiện bày về nghiệp dụng, có bốn tiết: a- Nhận lời hiện rõ, tức là nêu ra hai pháp trong năm pháp. b- Bày tỏ thưa thỉnh. c- Chính thức hiện rõ, tiến vào một vạn Tam-muội, là đối với một Tam-muội mong cầu giáo pháp không hề thỏa mãn, lập tức tiến vào một vạn, rõ ràng biết rằng những Giải thoát còn lại cũng thấu nhiếp nhiều môn. d- Rời khỏi Định liền thuật lại. Đều có thể biết.

Mục bốn- Từ “Ưu-bà-di ngôn...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến.

Trong mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau:

Đô-tát-la, Trung Hoa nói là Hỷ Xuất Sinh, nghĩa là trong thành này vốn phát sinh rất nhiều sự việc hoan hỷ, bởi vì Trí độ viên mãn thì có thể không có nơi nào không sinh khởi.

Thiện hữu tên gọi Biến Hành, là Trí khéo léo tùy thuận căn cơ không có gì không thực hành, cho nên gọi là Chân Thật Hạnh.

Thị hiện ngoại đạo, là có thể thực hành trái với đạo, trái với đạo mà không nhiễm theo gọi là xuất gia. Còn lại có thể biết.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, văn hiển bày có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 67 trong kinh).

Đoạn mười: Ngoại đạo Biến Hành, Thiện hữu nương vào Chân Thật Hạnh.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai - Từ “Thành Đông hữu sơn...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi.

Trong mục 1- Nhìn thấy: Nhìn thấy giữa đêm, là Trí tiến vào sinh tử. Thiện Tài sắp tiến vào phần vị này, cho nên trước đây nói là mặt trời lặn, đi vào thành. Ở đỉnh núi, là biểu thị cho phần vị cao nhất. Ánh sáng soi chiếu, là bởi vì ánh sáng của Trí tuệ phá tan bóng tối của sinh tử và hai bên.

Mục ba- Từ “Biến Hành đáp ngôn...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp: 1-Khen ngợi về phát tâm. 2- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là chính thức trao cho pháp giới, trong đó có hai mục:

Mục a- Làm sáng tỏ về tên gọi và Thể có bốn, là bởi vì Trí nhận biết tất cả, bốn nghĩa tuy riêng biệt mà có thể tác thành lẫn nhau: Một: Cảnh giáo hoá, tên gọi của Phổ Châu Biến Hành cũng từ đây mà thiết lập. Hai: Tiến vào Định, quán sát căn cơ. Ba: Do Thần thông Vô tác, cho nên có thể đến khắp mọi nơi trước đây. Bốn: Do Bát-nhã Phổ môn, cho nên có thể ở trong Định mà quán sát khắp nơi.

Nếu dựa theo riêng biệt, thì Dụng thuộc về Vô tác-Vô y mà Vô trú, Bát-nhã Phổ môn không có pháp nào không tận cùng.

Mục b- Từ “Thiện nam tử, ngã phổ ư...” trở xuống là hiển bày về bốn nghiệp dụng, tức là phân làm bốn: Một: Trình bày về Dụng đến tất cả mọi nơi. Hai: Từ “Hoặc trú chư kiến...” trở xuống là Dụng quán sát tất cả thế gian, quán sát những nơi thích hợp, tùy theo thích hợp mà thuyết giảng. Ba: Từ “Hựu thiện nam tử, thử Đô-tát-la...” trở xuống là trình bày Dụng thuộc về Vô tác-Vô y, cho nên nói là không biết từ đâu mà đến? Bốn: Từ “Thiện nam tử, Diêm-phù-đề nội...” trở xuống là

Dụng thuộc về Bát-nhã Phổ môn, bởi vì chín mươi sáu loại đều có thể tận cùng.

Trên đây tùy theo thù thắng mà riêng biệt phối hợp, Thật thì nghĩa nổi thông.

Mục thứ tư- Bắt đầu từ Trưởng giả Dục Hương đến Địa thần An Trú, có mười Thiện hữu nương vào phần vị Thập Hồi hương.

Đoạn một: Trưởng giả Thanh Liên Hoa, Thiện hữu nương vào Cứu Hộ Chúng Sinh Ly Chúng Sinh Tướng Hồi Hương.

Ở đất nước Quảng Đại, bởi vì bắt đầu tiến vào phần vị Hồi Hương, Hồi hương chúng sinh cho nên Quảng, Hồi hương Bồ-đề cho nên Đại, Hồi hương Thật tế thì nghĩa bao gồm Quảng Đại.

Nói về Dục Hương: Dục là bán, Hương chất tuy nhỏ mà phát ra mùi hương lan tỏa mọi nơi, thiện căn tuy nhỏ mà hồi hương rộng khắp mọi nơi. Vả lại, hoặc bán hay mua, cả hai đều có được mùi hương, thiện căn của Tự-Tha đều có thể Hồi hương.

Thanh Liên Hoa (Hoa sen xanh): hoa sen ở nơi bùn lầy mà không tạp nhiễm, giống như che chở chúng sinh mà lìa xa tướng. Hoa sen xanh là loài Hoa bậc nhất mọc trong nước, cứu giúp che chở là Hạnh bậc nhất trong Hạnh tiến vào sanh tử. Văn cũng phân làm sáu:

Trong mục một- Y theo lời dạy hương đến mong cầu: 1- Y theo lời dạy mà khởi Nguyện, bởi vì Hồi hương là đứng đầu của Đại Nguyện. 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hương đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau.

Mục hai- Từ “Nghệ Trưởng giả...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi.

Mục ba- Từ “Trưởng giả cáo ngôn...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp: 1-Khen ngợi; 2-Trao truyền.

Trong mục 2- Trao truyền, có hai: a- Tổng quát nêu lên pháp đã đạt được; b- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về nghiệp dụng.

Mục a- Tổng quát nêu lên pháp đã đạt được: Nhận biết về các loại Hương của thế gian để biểu thị cho Hương của pháp, nghĩa là dùng Hương của Giới-Định-Tuệ-Từ-Bi..., để huân tu phát sinh pháp thiện mà diệt trừ tập khí của pháp ác. Khéo léo nhận biết tất cả các Hương, là Hạnh sai biệt. Cũng nhận biết về điều hòa phù hợp, là Hạnh dung thông. Dùng chày Kim cang đập vỡ, là Thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật điều hòa phù hợp, khiến cho thuận-tạp không có gì ngăn ngại, Bi-Trí viên dung mà thành tựu Hồi hương.

Trong mục b là riêng biệt hiển bày về nghiệp dụng, có hai: Một-

Tổng quát về tướng hiển bày nhận biết; hai-Chỉ ra sự việc riêng biệt hiển bày.

Trong tiết một, có bốn: 1- Nhận biết về Thể của Hương khác nhau. 2- Từ “Hựu thiện liễu...” trở xuống là dựa theo chủng loại phân rõ khác nhau. 3- Từ “Hựu thiện biệt...” trở xuống là nhận biết về Lực-Dụng khác nhau. Hai loại trước dựa theo thể gian, loại này bao gồm xuất thế gian. 4- Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là trình bày tường tận về gốc-ngọn. Bốn loại trên đều có Sự-Lý, suy nghĩ về điều này!

Trong tiết hai- Từ “Nhân gian hữu...” trở xuống là chỉ ra sự việc riêng biệt hiển bày, có mười loại Hương:

Một loại đầu là Tượng Tạng Hương, đầy đủ mười sự việc gốc-ngọn trước đây: 1- Chỉ nói đến tên gọi của Hương thì chắc chắn có hình tướng. 2- Ròng đánh nhau (Long Đấu) là sinh khởi. 3- Mây ùn lên (Hưng Vân) là xuất hiện. 4- Rưới mưa xuống (Vũ vũ) là thành tựu. 5- Sắc vàng ròng là thanh tịnh. 6- Vui mừng hơn hởi là yên ổn. 7- Không có bệnh... là phương tiện. 8- Tâm Từ... là cảnh giới. 9- Ý thanh tịnh là uy đức, một loại nghiệp dụng ấy, nghĩa bao gồm bảy loại trước. 10- Từ “Ngã tri...” trở xuống là căn bản, bởi vì chủ yếu là tâm Bồ-đề.

Nếu dựa vào tâm Bồ-đề để hiển bày về mười nghĩa, thì Hương của tâm Bồ-đề tựa như Như Lai Tạng, nhờ vào thiện-ác đối trị lẫn nhau mà phát sinh. Nếu một khi đã phát tâm thì cuộn vầng mây Từ trút xuống làn mưa giáo pháp, tâm đã đạt tới khiến cho quay về thanh tịnh chân thật, đạt được pháp vui mừng hơn hởi, lìa xa phiền não-nghiệp-khổ, lần lượt chuyển tiếp cuộn vầng mây Từ, chí nguyện hoàn toàn thanh tịnh.

Chín loại Hương còn lại đều thuận theo đầy đủ mười loại Pháp-Dụ, tóm lược cho nên hoặc là hai-hoặc là ba.

Loại thứ hai: Ma-la-da là tên gọi đất nước, bởi vì đất nước có nhiều Hương này, đây chính là Hương của Nhẫn mà ngọn lửa của Sân không thể đốt cháy.

Loại thứ ba: Tức là Hương của Tinh tiến làm cho ma quân tan tác rút lui.

Năm loại tiếp như thứ tự là Hương của năm phần Pháp thân.

Loại thứ chín: Tức là Hương xứng với pháp giới, trước kia Đà-bà trong một tên gọi có bốn sự thật, ở đây thích hợp dùng Hương của muối (Diêm hương) bởi vì tựa như loại này.

Loại thứ mười: Hương quên hết chủ động-thụ động, cho nên gọi là làm mất ý (Đọa ý).

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, mục năm-Chỉ

ra vị Thiện hữu sau, mục sáu-Lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già; văn hiển bày có thể biết.

Đoạn hai: Người chèo thuyền Bà-thi-la, Thiện hữu nương vào Bất Hoại Hồi Hương.

Bà-thi-la, Trung Hoa nói là Tự Tại, nghĩa là đã khéo léo thông đạt đối với biển pháp của Phật, có thể khéo léo vận dụng vượt qua đối với biển sinh tử, tin tưởng sâu sắc không hủy hoại đối với tất cả các pháp, cho nên gọi là Tự Tại.

Ở kinh thành Lô Cúc, là nhờ vào Hồi hương này khiến cho tâm Bồ-đề chuyển đổi càng thêm tăng trưởng, Bi-Trí dựa vào nhau mà phát sinh thù thắng.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai:

Mục 1- Y theo lời dạy quán sát về Đạo, bởi vì bắt đầu đạt được Bất hoại đối với đạo Hồi hương. Phật đạo là cao, còn lại đều là thấp. Sinh tử và Niết-bàn là yên ổn-nguy hiểm. Chướng ngại và không có chướng ngại là thanh tịnh-uế tạp. Nhị thừa là uốn khúc, Bồ-tát là thẳng thắn..

Mục 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau mà khởi lên ý nghĩ thù thắng, nghĩa là Đạo của Bồ-tát nhờ vào con người mà đạt được, chính là đạt được niềm tin Bất hoại đối với Pháp Sư Bồ-tát. Trong đó: a-Chính thức trình bày; b-Đưa ra giải thích, có thể biết.

Mục hai- Từ “Ký chí bỉ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi: Nhìn thấy ở bờ biển, bởi vì nếu biển pháp của Phật thì lấy sinh tử làm bờ bên này, mà không rời bỏ sinh tử; nếu biển sinh tử thì lấy Tu nhân Đại Bi để làm bờ bên này, trú vào Đại Từ Bi khiến cho lia xa nhân.

Mục ba- Từ “Thuyền sư cáo ngôn...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, phân hai:

Mục 1- Khen ngợi và thưa hỏi: a-Khen ngợi về phát tâm; b-Chủ động thưa hỏi về pháp, văn có mười câu: Năm câu trước là chủ động thưa hỏi về nhân của Quả, năm câu sau là chủ động thưa hỏi về nhân của Nhân, cho nên nói là nhân của Đạo. Vòng xoáy của Tam-muội, vòng xoáy nghĩa là chìm xuống vòng xoáy sâu thẳm mà không chuyển dời, Nhị thừa chìm trong vắng lặng trải qua tám vạn kiếp, mà có thể xa lìa chính là Đạo của Bồ-tát.

Trong mục 2- Từ “Thiện nam tử, ngã trú thử...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, có hai:

Mục a- Nêu lên tên gọi và Thể, nghĩa là Đại Bi vượt lên trên làm nơi quay về của chúng sinh.

Trong mục b- Từ “Thiện nam tử, ngã quán Diêm-phù...” trở xuống là phân rõ về nghiệp dụng, có hai tiết: Một- Trình bày về giáo hóa chúng sinh ở mặt đất khiến cho biết rõ có biển; Hai- Từ “Ngã tri hải trung...” trở xuống là khéo léo nhận biết về tướng của biển.

Trong tiết hai là giáo hóa chúng sinh ở giữa biển, có hai: 1- Trình bày về khéo léo nhận biết; 2- Làm sáng tỏ thành tựu lợi ích của giáo hóa.

Trong tiết 1- Hòn đảo vật báu này (Bảo châu)..., nghĩa về biển pháp-sinh tử đều có. Lại dựa theo trong văn giải thích về biển sinh tử, tóm lược nêu ra nhận biết năm loại sự việc:

Sự việc thứ nhất- Nhận biết vật báu, vật báu tức là Trí, không đi vào biển rộng sinh tử thì không thể nào có được vật báu Nhất thiết trí.

Trong đó có mười hai câu: Một- Trong biển sinh tử rất vắng lặng không lay động, gọi là hòn đảo vật báu. Hai- Như Lai Tạng thuộc về Không và Bất Không là nơi chốn của vật báu. Ba- Hằng sa công đức là chủng loại của vật báu. Bốn- Phật tánh là chủng tử của vật báu. Bốn câu trên đây đều dựa theo Bản Hữu.

Bốn câu tiếp dựa theo Tu mà thành tựu: Bởi vì Giới thanh tịnh-Hạnh đầu đà..., là công năng có thể thanh tịnh. Bởi vì Trí duyên khởi là công năng có thể xuyên qua. Bởi vì phát tâm Nhất thiết trí, là nhân có thể vượt ra. Lắng nghe là công năng có thể thực hiện.

Bốn câu sau là Dụng của vật báu: Căn khí Tam thừa đều có Trí tuệ sai khác, mà Dụng soi chiếu Lý-đoạn trừ phiền não sai khác, cảnh giới đã duyên vào có vạn phẩm nương tựa sai khác, phá trừ ngu si hiển bày sáng suốt sai khác, tất cả đều không giống nhau.

Sự việc thứ hai- Từ “Ngã tri nhất thiết Long...” trở xuống, tức là ba Độc tham-sân-si trong sinh tử. Bộ Đa, Trung Hoa nói là Tự Sinh, cũng như Dạ-xoa, nhưng bởi vì không sinh ra từ cha mẹ, mà dụ cho nhiều ngu si.

Sự việc thứ ba- Từ “Diệc thiện biệt tri toàn phục...” trở xuống, tức là nhận biết về tướng của Tâm-Thức-Sắc-Vô sắc... dựa vào Thức-Tâm vắng lặng. Kiếp số cạn-sâu, sóng nước của bảy Thức, tập khí tạp nhiễm xa-gần, tùy theo duyên với thiện-ác mà nước tâm có màu sắc khác nhau.

Sự việc thứ tư- Từ “Diệc thiện biệt tri nhật nguyệt...” trở xuống, tức là có thể nhận biết về thời gian, nghĩa là căn cơ mới phát sinh và

thuần thực, trong thời gian như vậy thích hợp tu tập về Định-Tuệ...

Sự việc thứ năm- Từ “Diệc như kỳ thuyền...” trở xuống, tức là nhận biết về vạn pháp không giống nhau, có phương tiện thì vững vàng, không có phương tiện thì dễ tan vỡ, đã từng tu tập thì thông suốt, không hề tu tập thì bế tắc. Dòng nước lớn nhỏ, nghĩa là sinh tử có giới hạn và không có giới hạn. Làn gió thuận nghịch, là tám làn gió, bốn thuận-bốn nghịch. Lại nói là tu hành có trú vào và không có trú vào.

Nếu tách sự việc thứ ba-thứ năm ra đều có ba sự việc, thì toàn bộ đầy đủ mười biển.

Tiết 2- Từ “Thiện nam tử, ngã dĩ thành tựu...” trở xuống là làm sáng tỏ thành tựu lợi ích của giáo hóa, đã nêu ra mười biển thì nhận biết về biển đã nói trước đây, dựa theo đây nên suy nghĩ! Trong mười biển: Bốn biển trước là Tự lợi, sáu biển sau là Lợi tha.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, mục năm-Chỉ ra vị Thiện hữu sau, mục sáu-Lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già; văn hiển bày có thể biết.

Đoạn ba: Trưởng giả Vô Thượng Thắng, Thiện hữu nương vào Đẳng Nhất Thiết Phật Hội Hương.

Bởi vì đạt được Thần thông thù thắng, cho nên không có gì cao hơn, bình đẳng với chư Phật, mà lại không có gì hơn được.

Ở đất nước Khả Lạc, do hồi hướng bình đẳng với Phật, không còn thấy tốt-xấu, đều đạt được thanh tịnh mà hoan hỷ vui thích.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Từ “Kiến Vô Thượng Thắng...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi:

Mục 1- Nhìn thấy: Ở phía Đông kinh thành, là bởi vì mặt trời Phật bắt đầu sáng tỏ. Nơi rừng Vô Ưu, là bởi vì hồi hướng giống như Phật không có yêu-ghét. Những khách buôn vây tròn xung quanh, Phật là chủ buôn, Bồ-tát là khách buôn, Pháp-Tài bên ngoài làm lợi ích mà công lao quy về nơi mình.

Mục 2- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là lễ chào cung kính.

Mục 3- Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là thưa hỏi. Xưng danh, là nghe danh tiếng đã lâu, biểu thị cho căn khí tôn trọng giáo pháp, mong mỏi có pháp được nghe.

Mục ba- Từ “Thời bỉ Trưởng giả...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp:

Trong mục 1- Trao cho pháp: a- Nêu lên tên gọi và Thế, bởi vì Vô tác-Vô y cho nên có thể đến khắp mọi nơi, đến khắp mọi nơi là Dụng

rộng lớn, Vô y là Thế thù thắng. Vô y, bởi vì không dựa vào nơi khác. Vô tác, là bởi vì lìa xa gia hạnh.

Mục 2- Từ “Thiện nam tử, vân hà...” trở xuống là đưa ra giải thích về nghiệp dụng. Trong giải thích trình bày đến tất cả mọi nơi, bởi vì mở rộng về thuyết pháp. Trong văn: a- Nêu ra Tam thiên; b- Từ “Như ư thử Tam thiên...” trở xuống là tương tự hiển bày về mười phương.

Trong mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến: Thêm vào pháp môn thanh tịnh, bởi vì đến khắp mọi nơi chủ yếu là thuyết pháp, tức là pháp đã thuyết giảng trước đây.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, mục sáu-Lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

Đoạn bốn: Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hưởng.

Thiện hữu tên gọi Sư Tử Tần Thân, là mở ra tự tại, không nơi nào không đến.

Tỳ-kheo Ni, bởi vì tâm Từ hoàn toàn thanh tịnh hợp với tất cả pháp thiện.

Đất nước tên gọi Du-na, Trung Hoa nói là Dũng Mãnh, bởi vì lực của dũng mãnh có thể khiến cho thiện căn không có nơi nào không đến. Lại dùng mười Độ để trình bày về nghĩa, nghĩa ấy vốn là Tinh tiến.

Kinh thành tên gọi Ca-lăng Ca-lâm, dùng nghĩa phiêu ra là lúc chiến đấu với nhau, nghĩa là nhờ vào thắng trận mà thiết lập kinh thành, biểu thị cho Nguyện của hồi hướng này, bởi vì Đại uy lực của Tín-Giải, bởi vì Trí tuệ rộng lớn không có chướng ngại, khiến cho thiện căn tu tập, không có gì không đạt đến, nghĩa giống như lúc đánh trận.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu: Nói Quốc vương Thắng Quang xả thí vườn Nhật Quang, dựa theo Luật: “Ni thực hành hạnh Đầu-đà phần nhiều ở tại vườn của nhà vua, bởi vì nhờ vào sự bảo vệ bên ngoài.” Biểu thị cho Quốc vương Thắng Quang nhờ vào Thật tế, mà khiến cho thiện căn ấy rộng khắp khu vườn của pháp giới, tất cả đều ngay nơi Trí cho nên có tên gọi của ánh sáng.

Trong mục hai- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử tức nghệ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có ba: 1- Nhìn thấy; 2- Lễ chào cung kính; 3- Thưa hỏi.

Trong mục 1- Nhìn thấy, có hai: a- Nhìn thấy Y báo; b- Nhìn thấy Chánh báo.

Mục a- Nhìn thấy Y báo, có sáu tiết:

Tiết một- Cây rừng Vô lậu, thực hành về pháp Vô lậu mà kiến lập, trong văn có tám, đều có những biểu thị, suy nghĩ điều này.

Tiết hai- Từ “Viên trung phục hữu...” trở xuống là trình bày về dòng chảy của tám Giải thoát. Tám công đức, nghĩa là nhẹ nhàng, mát lạnh, thấm ướt, ngọt ngào, trong sạch mà không mùi, điều hòa dễ chịu không có lo sợ.

Tiết ba- Từ “Vô lượng bảo thọ...” trở xuống là trải chỗ ngồi thuộc về Pháp Không, mà tùy theo pháp trang nghiêm khác nhau, trong đó có nêu lên-đưa ra và kết luận, có thể biết.

Tiết bốn- Từ “Thử Đại viên...” trở xuống là trình bày đan xen các loại trang nghiêm, bởi vì vạn hạnh không phải là một.

Tiết năm- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là nêu ra nguyên cố ấy.

Tiết sáu- Từ “Tam thiên...” trở xuống là trình bày về Dụng tự tại của quả.

Trong mục b- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài kiến Sư Tử...” trở xuống là chính thức trình bày về nhìn thấy Chánh báo, có bốn tiết: Một- Tổng quát trình bày về an tọa khắp nơi, đức thù thắng biểu hiện rõ ràng. Hai- Riêng biệt trình bày về an tọa khắp nơi mà diễn thuyết về pháp đều khác nhau. Ba- Tổng quát kết luận về nhiều chủng loại nghe pháp mà phát tâm. Bốn- Tổng quát hiển bày về nguyên nhân, giải thích thành tựu tự tại.

Tiết một- Tổng quát trình bày về an tọa khắp nơi: Bà-lâu-na, Trung Hoa nói là Thủy, bởi vì vị Trời này có thể làm mãn nguyện của con người.

Trong tiết hai- Từ “Hoặc kiến xử tòa...” trở xuống là riêng biệt trình bày về an tọa khắp nơi, có ba mươi xứ phân ba: 1- Có mười sáu xứ là tám Bộ, loài người và không phải loài người...; 2- Có hai xứ là Nhi thừa; 3- Có mười hai xứ là Bồ-tát.

Trong tiết 1- Trước có bảy xứ là chư Thiên:

1: Vì chư Thiên cõi trời Tịnh Cư mà thuyết giảng về Vô tận, là đối trị mong cầu Thân-Trí tận cùng của hàng A-na-hàm ở cõi ấy.

2: Phạm Vương, ứng hiện khắp nơi nhưng đối với chúng của mình rộng ra cho đến Tam thiên, bởi vì thuyết giảng về Phổ môn thì tất cả đều ứng hiện, Phạm âm trong trời tuyệt vời chỉ là thế gian; bởi vì thuyết giảng về chủng loại thù thắng của pháp giới, mới thật là thanh tịnh tuyệt vời.

3: Chư Thiên cõi trời Tha Hóa, bởi vì khiến cho đạt được tâm thanh tịnh xuất thế gian, mà tự tại vượt lên trên thế gian.

4: Chư Thiên cõi trời Hóa Lạc, bởi vì nhạc cụ trang nghiêm không

sánh bằng pháp thiện.

5: Xoay chuyển trở về Như Lai Tạng tâm, là bởi vì đầy đủ niềm vui chân thật.

6: Trang nghiêm khắp nơi pháp giới mới tận cùng niềm vui của thời gian.

7: Trời Đế Thích, bởi vì mãi mê đắm trong dục lạc.

8: Loài rồng, bởi vì loài rồng có thể bao gồm biến hóa sấm chớp sáng lòa và tuôn mưa mà làm cho trang nghiêm.

9: Dạ-xoa, bởi vì tánh thích bay giữa hư không mà làm hại chúng sinh.

10: Chúng Càn-thát-bà, bởi vì có thể tấu nhạc làm cho vui thích.

Ba loại trên cũng thuộc về chúng Tứ Vương mà ý giữ lại tám Bộ, cho nên thiếu hai phương Nam và Tây.

11: Tu-la, bởi vì khéo léo huyền ảo làm trang nghiêm.

12: Ca-lâu-la, khuấy động biển lớn mà làm cho loài rồng lo sợ.

13: Khẩn-na-la, là Thần ca hát, dùng ánh sáng của hạnh Phật mà phá bỏ đam mê ấy; lại trên đầu có một sừng, cũng nói là Nghi thần, ánh sáng làm cho lia xa nghi ngờ mà giác ngộ giống như Phật.

14: Ma-hầu-la-già, bởi vì nhiều nóng giận.

Trên đây là tám Bộ, trừ ra loại 1-loại 7 và chúng Dạ-xoa, chúng Ma-hầu-la-già dựa theo đối trị mà nói, còn lại đều dựa theo phương tiện thích hợp, tùy theo thế gian mà có thể xoay chuyển tiến vào xuất thế gian. Chúng Khẩn-na-la bao gồm hai nghĩa ấy.

15: Một chỗ ngồi là loài người, bởi vì loài người phần nhiều thực hành hạnh bất thiện, giả sử thực hành nhân nghĩa mà cũng không phải là thù thắng, vì vậy khiến cho phát khởi về hạnh thù thắng của xuất thế gian.

16: Một chỗ ngồi là La-sát, bởi vì chính là không phải loài người, cho nên cũng đối trị về nhiều tàn hại.

Tiết 2- Có hai xứ là Nhị thừa, bởi vì Thanh văn Trí tuệ yếu kém, mà Duyên giác tu phước dừng lại trăm kiếp, ánh sáng của Trí về duyên khởi chưa thể nào quên hết mọi duyên.

Tiết 3- Có mười hai xứ là Bồ-tát, phân ba:

Đầu là một xứ thuộc Địa tiền, thuyết giảng về ánh sáng của Định-Tuệ.

Tiếp là mười xứ thuộc Địa thượng, Sơ phát tâm là chứng được phát tâm, bởi vì phát khởi mười Đại Nguyện; Địa thứ năm là Diệu Hoa Tạng, Hoa nghĩa là mười loại tâm thanh tịnh bình đẳng, bản kinh thời

Tấn nói: “Tịnh Tâm Hoa Tạng.” Hoa Tạng là bởi vì Chân-Tục cùng tu tập, làm nhân hàm tàng cho thù thắng khó đạt được. Tám xứ còn lại có thể biết.

Sau là một xứ, nghĩa thuộc Đẳng giác, bởi vì thuyết giảng về Định Kim Cang Dụ hủy hoại làm tan rã tập khí phiền não.

Đã vì Đẳng giác mà thuyết giảng, rõ ràng phần vị này không phải Tiểu thừa. Nói về Hồi hướng là dựa theo phần vị nương vào mà thôi, nơi khác đều phỏng theo đây.

Tiết ba- Từ “Thiện Tài Đồng tử kiến như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhiều chủng loại nghe pháp mà phát tâm, có thể biết.

Tiết bốn- Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống tổng quát hiển bày về nguyên nhân, giải thích thành tựu tự tại, có hai: 1- Bởi vì đầy đủ Bát-nhã cho nên có thể giáo hóa; 2- Từ “Thử nhật quang...” trở xuống là bởi vì căn cơ của chúng sinh được giáo hóa ấy đã thuần thực.

Mục 2- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử...” trở xuống là lễ chào cung kính, trong đó có ba: a- Nhìn thấy phát tâm thù thắng; b- Phát ra ánh sáng thấu nhiếp tiếp nhận; c- Chính thức bày tỏ lễ nghi cung kính.

Mục 3- Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là thưa hỏi về giáo pháp.

Trong mục ba- Từ “Tỳ-kheo Ni ngôn...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, có ba mục:

Mục 1- Nêu lên tên gọi, Nhất thiết trí là bởi vì giống với Trí của Phật.

Mục 2- Từ “Thiện Tài ngôn...” trở xuống là đưa ra để giải thích về Thể ấy, một niệm mà soi chiếu khắp nơi.

Mục 3- Từ “Thiện Tài bạch ngôn...” trở xuống là phân rõ về nghi-hiệp dụng của pháp môn: a-Thưa hỏi; b-Giải đáp.

Trong mục b là giải đáp có hai tiết: Một- Trình bày về Dụng của Thông; Hai- Trình bày về Dụng của Trí.

Trong tiết một- Trình bày về Dụng của Thông, cũng có hai:

Tiết 1- Phân rõ về chỗ dựa của Dụng, nghĩa là do Nhất thiết trí mà có thể tiến vào Tam-muội Vương. Tam-muội Vương, Trí Luận quyển thứ 7 nói: “Tất cả Tam-muội đều tiến vào trong này, Thể tức là Như Như, Thể của Như vốn vắng lặng, Chân Trí phù hợp với Thể này, cho nên gọi là Tam-muội.”

Bởi vì nói Nhất thiết trí, có hai nghĩa của điều ấy: Một- Bởi vì nhận biết toàn bộ về tất cả sự việc trong ba đời. Hai- Đối với Chủng Trí gọi là Căn Bản Trí, bởi vì nhận biết tất cả sự việc đều là một Thật tướng. Bởi vì Thật Trí ngay nơi Quyền, mà phù hợp với Thật Lý ngay

nơi Sự, cho nên tất cả Tam-muội đều tiến vào trong đó. Lại bởi vì Thế của Tam-muội Vương có khắp tất cả mọi nơi, cho nên Ý sinh thân tùy theo chủng loại mà có thể thành tựu.

Tiết 2- Từ “Vãng thập phương...” trở xuống là phân rõ về nghiệp dụng có thể dựa vào, có thể biết.

Tiết hai- Từ “Thiện nam tử, ngã kiến...” trở xuống là trình bày về Dụng của Trí ấy. Lại trước tức là Dụng của Trí sai biệt, nay tức là Dụng của Trí không có phân biệt, tiếp xúc với cảnh mà không hề giữ lấy.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 68 trong kinh).

Đoạn sáu: Vô Tận Công Đức Tạng Hội Hưởng.

Thiện hữu tên gọi Bà-tu Mật-đa, Trung Hoa nói là Thế Hữu, cũng nói là Thiên Hữu, bởi vì tùy theo phương tiện giáo hóa trời-người thế gian.

Đất nước tên gọi Hiểm Nạn, là thực hành ngược lại trái với đạo mà phần vị phía dưới không thể nào thực hành.

Kinh thành tên gọi Bảo Trang Nghiêm, là ngược lại thuận theo hạnh của thế gian mà có thể sinh ra Tạng công đức vô tận.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai mục:

Mục 1- Y theo lời dạy thành tựu lợi ích, nghĩa là do nghe đến ánh sáng của Nhất thiết trí, mà Tư-Tu hướng về tiến vào đạt được hai loại lợi ích: Một- Đạt được lợi ích nhìn thấy pháp tánh chân thật, nhờ vào Thật Trí trước đây; Hai- Từ “Đắc liễu tri...” trở xuống là đạt được lợi ích của Quyền Trí, nhờ vào Trí sai biệt tận cùng về ba đời trước đây.

Mục 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu phần vị tiếp sau, trong đó có bốn mục:

Mục a- Dốc lòng tìm kiếm.

Mục b- Từ “Thành trung...” trở xuống là hiểu biết nông cạn dẫn đến nghi ngờ, bởi vì thực hành ngược lại khó nhận biết. Không nghi ngờ chính mình, là bởi vì tham lam thuận với Bi, trở ngại đến hạnh yếu kém, cho nên không giống như hai loại trước. Lại bởi vì đã điều phục đối với hai loại trước, cho nên trong này không nghi ngờ gì.

Mục c- Từ “Kỳ trung hữu nhân tiên tri...” trở xuống là Trí sâu xa khen ngợi chỉ dạy: Trước là khen ngợi; sau từ “Thiện nam tử, Bà-tu...” trở xuống là chỉ dạy nêu ra ở chỗ đó. Phố chợ là nơi ồn ào tạp loạn, phía Bắc là đứng đầu hoại diệt, nhà cửa của mình tức là ý hoàn toàn trống rỗng vắng lặng, nghĩa là đang muốn thực hành Thiền định, ở nơi ồn ào náo loạn mà luôn luôn vắng lặng, ở tại phía Bắc của phố chợ...

Mục d-Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy mà hướng đến.

Mục hai-Từ “Kiến kỳ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi.

Trong mục 1-Nhìn thấy, có hai: a-Nhìn thấy Y báo, trong chỗ hoàn toàn rỗng rang mà không có đức nào không đầy đủ, mở rộng hiển bày về sự trang nghiêm ở nơi ấy. b-Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là nhìn thấy Chánh báo, có đầy đủ Đức-Dụng của chủ-bạn.

Mục 2-Từ “Nhĩ thời Thiện Tài tiền nghê...” trở xuống là cung kính thưa hỏi, có thể biết.

Mục ba-Từ “Bĩ tức cáo ngôn...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, trong đó có ba mục:

Mục 1-Nêu lên tên gọi: Lìa xa phạm vi của tham dục, phạm phu nhiễm theo Dục, Nhị thừa nhìn thấy Dục đáng lìa xa, Bồ-tát không đoạn bỏ tham dục mà đạt được giải thoát, Trí hiểu rõ tánh Không mà Dục chính là Đạo. Như vậy nhiễm mà không nhiễm, mới thật là hoàn toàn lìa xa phạm vi của Dục.

Mục 2-Từ “Tùy kỳ...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng, trong đó: a-Hiện rõ thân cùng loại; b-Từ “Nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là dùng pháp làm lợi ích cho chúng sinh, trong đó có mười loại Tam-muội, đều tùy theo phương tiện thích hợp mà thọ nhận dục lạc, đạt được Tam-muội rất sâu xa này, suy nghĩ về điều đó!

Mục 3-Từ “Thiện Tài bạch ngôn...” trở xuống là nhân duyên đạt được pháp: Trước là thưa hỏi, sau là giải đáp.

Bổ thí một vật báu-một đồng tiền, có hai nghĩa: Một-Vật báu mà có thể rời bỏ cho nên nhất định lìa xa tham lam; hai-Một đồng tiền tuy nhỏ bé, mà bởi vì tâm Bồ-đề, cho nên thành tựu đều tự tại.

Đoạn sáu: Nhập Nhất Thiết Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hương.

Thiện hữu tên gọi Tỳ-sắt Chi-la, Trung Hoa nói là Triều Lý, nghĩa chính là bao gồm thâu nhiếp, bởi vì trong tòa Tháp bao gồm thâu nhiếp tất cả chư Phật. Hoặc là nói thâu nhiếp tiến vào, bởi vì thâu nhiếp các thiện căn tiến vào bình đẳng.

Kinh thành tên gọi Thiện Độ, bởi vì không có một thiện căn nào không hóa độ đến cuối cùng.

Thường cúng dường Tháp Phật, bởi vì bậc nhất trong các thiện căn.

Không rõ vì sao chỉ cúng dường tòa Tháp này? Có chỗ nói: “Bởi vì trong tòa Tháp chắc chắn có pháp tòa Chiên-đàn, là muốn cúng dường

tất cả chư Phật vô tận.” Cũng là một lý. Trong văn:

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, thiếu không có nghĩ đến pháp.

Mục hai- Từ “Nghệ Cư sĩ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi.

Mục ba- Từ “Cư sĩ cáo...” trở xuống là chính thức trao cho pháp giới, trong đó có bốn mục:

Mục 1- Nêu lên tên gọi: Bất Bất Niết-bàn Tế, Bất là Nhập, bởi vì Thật tế cuối cùng các Đức Như Lai không nhập Niết-bàn, cho nên phẩm Xuất Hiện nói: Như Thật tế Niết-bàn, Như Lai Niết-bàn cũng như vậy.

Mục 2- Từ “Thiện nam tử, ngã bất sinh tâm...” trở xuống là hiển bày về Thể, nghĩa là tâm phù hợp với Thật tế mà nhận biết Phật thường trú.

Mục 3- Từ “Duy trừ...” trở xuống là giải thích nghi ngờ, đều như phẩm Xuất Hiện phân rõ. Kinh Lăng Già cũng nói: “Không có Niết-bàn của Đức Phật, không có Đức Phật nào Niết-bàn.”

Mục 4- Từ “Ngã khai...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng của pháp môn, trong đó có hai:

Mục a- Phân rõ về chỗ dựa của Dụng, cũng là chứng minh về nghĩa của không Niết-bàn trước đây, bởi vì đưa ra hiện tại nhìn thấy. Phật chủng không có cùng tận, Phật chủng thuận theo duyên khởi, Phật duyên với Lý sinh ra, thấy Lý sâu xa cho nên thấy Phật không có hoại diệt, bởi vì Hóa thân Phật tức là Thường thân-Pháp thân.

Mục b- Từ “Thiện Tài bạch...” trở xuống là thưa hỏi và giải đáp về cảnh giới.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến. Trong mở rộng Thắng tiến, Trưởng giả tuy nhận biết ba đời không hoại diệt, nhưng chưa có thể trong một niệm mà nhận biết đạt tới chủ động và thụ động bình đẳng.

Trong mục năm- Từ “U thử Nam phương...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau: Trước là Trưởng hàng, sau là Kệ tụng. Bởi vì Bồ-tát Đại Bi, mọi người đều tôn trọng, cho nên chỉ thêm vào Kệ tụng.

Nói trong biển có núi, là bởi vì Đại Bi tùy thuận tiến vào biển sinh tử mà ở trên núi Niết-bàn, tức là phía Nam của Nam Ấn Độ.

Đoạn bảy: Đăng Tùy Thuận Nhất Thiết Chúng Sinh Hồi Hướng.

Thiện hữu tên gọi Quán Tự Tại, ba nghiệp chân thành hướng về chắc chắn dùng sáu Thông đến với cơ duyên, thấu nhiếp làm lợi ích khó nghĩ bàn gọi là Quán Tự Tại, từ đó có thể tùy thuận với tất cả chúng

sinh.

Ở tại núi Bồ-đát Lạc-ca, Trung Hoa nói là Tiểu Bạch Hoa Thọ, núi có nhiều cây này, hương thơm lan tỏa rất xa, người ngửi được mùi hương hay nhìn thấy cây này thì chắc chắn mừng vui, là nghĩa của tùy thuận.

Lại Quán Tự Tại, hoặc nói là Quán Thế Âm. Tiếng Phạn nói là Ba-lô-chỉ-đế, là Quán; Thấp-phạt-la, Trung Hoa nói là Tự Tại. Nếu nói là Nhiếp-phạt-đa, thì Trung Hoa nói là Âm.

Nhưng trong bản tiếng Phạn tự có hai loại không giống nhau, vì vậy người dịch tùy theo khác nhau, mà ở phẩm Quán Thế Âm trong kinh Pháp Hoa nói: “Quán sát âm thanh ấy đều được giải thoát.” Chính là Quán Thế Âm.

Nếu đầy đủ ba nghiệp thì thâm nhiếp giáo hóa tức là Quán Tự Tại. Trong phẩm ấy: 1- Ngữ nghiệp xưng niệm danh hiệu trừ diệt bảy tai nạn; 2- Thân nghiệp lễ bái thỏa mãn hai nguyện; 3- Ý nghiệp luôn luôn nghĩ đến làm sạch ba độc.

Nhưng nay phần nhiều niệm danh hiệu Quán Thế Âm, là bởi vì phần nhiều sử dụng về ngữ nghiệp, lại bởi vì nhiều người xưng niệm. Nay chọn lấy nghĩa viên thông cho nên nói là Tự Tại.

Nhưng Quán tức là chủ động Quán bao gồm tất cả các Quán, Thế là thụ động Quán bao gồm tất cả thế gian. Nếu nói là Âm, thì cũng bao gồm thụ động Quán, tức là tất cả căn cơ đã cứu giúp. Nếu nói là Tự Tại, thì chính là thuộc về Dụng của chủ động giáo hóa.

Trong văn chỉ có năm mục, thiếu mục sáu là lễ chào từ già.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Từ “Kiến kỳ Tây diện...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có hai:

Mục 1- Nhìn thấy, có ba mục:

Mục a- Nhìn thấy Y-Chánh thù thắng: Ở tại phía Tây, bởi vì phía Tây đứng đầu giết hại mà hiển bày tâm Bi cứu giúp, lại khiến cho hướng về nguồn gốc mà tôn thờ.

Mục b- Từ “Thiện tài kiến dĩ...” trở xuống là làm sáng tỏ về lợi ích của nhìn thấy, bởi vì có được ý niệm thù thắng xông ướp trong tâm. Thiện tri thức thì chính là Như Lai, bởi vì dẫn đến cứu cánh giống như Phật.

Mục c- Từ “Nhĩ thời Quán Tự Tại...” trở xuống là Thiện hữu rủ lòng Đại Bi sâu dày khen ngợi thâm nhiếp, mà tùy thuận thâm nhiếp tiếp nhận.

Mục 2- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là cung kính thưa hỏi, có thể biết.

Mục ba- Từ “Bồ-tát cáo ngôn...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp: 1- Khen ngợi; 2- Trao cho pháp.

Trong mục 2- Trao cho pháp, có ba mục:

Mục a- Nêu lên tên gọi.

Mục b- Từ “Ngã dĩ thử...” trở xuống là tổng quát hiển bày về Thế-Tướng, cũng là giải thích tên gọi, bình đẳng giáo hóa tức là Đại Bi, bởi vì Đồng Thế Bi cho nên nói là bình đẳng, nối tiếp nhau không gián đoạn tức là Hạnh môn. Vả lại, Môn tức là Phổ Môn, Phổ Môn thị hiện mà uyển chuyển cứu giúp không có gì để sót.

Mục c- Từ “Thiện nam tử, ngã trú thử...” trở xuống là mở rộng hiển bày về nghiệp dụng, trong đó có hai tiết: Một- Dựa theo Phổ Môn để hiển bày về nghiệp dụng; Hai- Dựa theo Đại Bi.

Trong tiết một- Dựa theo Phổ Môn để hiển bày về nghiệp dụng, có hai tiết:

Tiết 1- Tổng quát trình bày, bởi vì hướng lên trên giống với chân tâm Diệu Giác của Như Lai, cho nên thường ở trú xứ của tất cả các Đức Như Lai; hướng xuống dưới Đồng Thế Đại Bi với chúng sinh, mà hiện rõ khắp nơi trước tất cả chúng sinh, hiện rõ khắp nơi tức là Phổ Môn thị hiện. Nhưng Đại Thánh thành tựu Chánh giác đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, thị hiện làm Bồ-tát, ý nghĩa và ngôn từ giống như Phật.

Tiết 2- Từ “Hoặc dĩ bố thí...” trở xuống là riêng biệt trình bày về nghĩa của hiện rõ khắp nơi (Phổ hiện), có mười một câu, cùng với ba mươi lăm ứng hiện trong kinh Pháp Hoa, mới nhìn thì tựa như ít nghĩa mà chọn lấy lại nhiều. Ba mươi lăm ứng hiện trong kinh Pháp Hoa, chỉ là hoặc hiện rõ Sắc thân và thuyết pháp trong kinh này mà thôi.

Tiết hai- Từ “Thiện nam tử, ngã tu hành...” trở xuống là dựa theo hạnh Đại Bi để hiển bày về nghiệp dụng, bởi vì cứu giúp các nỗi sợ hãi, trong đó có ba tiết:

Tiết 1- Lìa xa nỗi sợ hãi của thế gian, có mười tám loại: Đầu là ba loại dựa theo phiền não, tức là sợ hãi về nhân; còn lại đều dựa theo quả. Ba loại ràng buộc-giết hại-tham lam, tách ra từ nỗi sợ hãi không sống được. Từ “Hắc ám...” trở xuống đều là sự việc trong năm loại sợ hãi. Trên đây là dựa theo pháp đã lìa xa.

Tiết 2- Từ “Phục tác...” trở xuống là nhân có thể lìa xa, bởi vì niệm tức là ý, mà ba nghiệp đều lợi ích.

Tiết 3- Từ “Ngã dĩ thử...” trở xuống là khiến cho Đại tâm tăng lên

mới có thể hoàn toàn lìa xa nỗi sợ hãi về hai loại sinh tử.

Mục bốn- Từ “Ngã duy...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, bởi vì thành tựu Chánh giác đã lâu mà tôn sùng không mất đi khiêm tốn.

Mục năm- Từ “Nhĩ thời Đông phương...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau, trong đó có hai mục:

Mục 1- Vị Thiện hữu sau đi vào pháp hội:

Từ phía Đông đi đến, là bởi vì Trí sáng tỏ thuộc về Chân Như Tướng ở phần vị sau mới chứng được.

Tên gọi Chánh Thú, là Chánh pháp hướng đến khắp nơi mà giáo hóa chúng sinh, dùng Trí thuộc về Chánh pháp mà hướng đến Chân Như Tướng.

Từ hư không xuất hiện, là Thể của Trí không có nương tựa mới phù hợp với Như.

Trí vây tròn phía trên, là Như dựa vào phiền não hư vọng mà hiển bày.

Chân làm lay động thế giới, là dùng chân của Định-Tuệ mà trừ diệt tạp nhiễm xấu ác.

Giống như Hội trước, là không lìa xa mà tùy thuận chúng sinh đạt được Như Tướng, lại dùng Trí kết hợp với Bi mà thành tựu Vô trú.

Mục 2- Từ “Thời Quán Tự Tại...” trở xuống là vị Thiện hữu trước đây chỉ ra, bởi vì thuộc về pháp hội này, cho nên không có phần lễ chào từ già.

Đoạn tám: Bồ-tát Chánh Thú, Thiện hữu nương vào phần vị Chân Như Tướng Hội Hưởng. Trong văn có đủ sáu mục:

Mục một- Ý theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, văn hiển bày có thể biết.

Mục ba- Từ “Chánh Thú Bồ-tát ngôn...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, phân hai: 1- Nêu lên tên gọi và Thể, mười phương không có giới hạn cho nên gọi là Phổ Môn, một niệm vượt qua nhiều quốc độ cho nên nói là nhanh chóng. 2- Từ “Thiện Tài ngôn...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng của pháp môn.

Trong mục 2 có bốn: a- Bày tỏ thưa hỏi, tuy có ba câu hỏi mà ý nằm ở câu hỏi về nhanh chóng. b- Từ “Cáo ngôn...” trở xuống là hiển bày về sâu xa. c- Từ “Thiện Tài...” trở xuống là nương theo uy lực thưa thỉnh thuyết giảng. d- Từ “Chánh Thú Bồ-tát ngôn...” trở xuống là chính thức giải đáp câu hỏi trước đây.

Trong mục d có năm tiết:

Tiết một- Giải đáp về nơi chốn đạt được pháp, nghĩa là từ cảnh giới Như Lai Tạng thuộc Bốn Trí của mình, sinh khởi tất cả vạn thiện mà phát ra Bốn Giác, vì vậy hiện hành có thể nhanh chóng nhận biết tất cả các pháp khắp nơi, không lìa xa tâm tánh mà vạn hạnh lập tức thành tựu.

Tiết hai- Từ “Tùng bĩ phát...” trở xuống là giải đáp về thời gian xa-gần.

Tiết ba- Từ “Nhất nhất niệm trung...” trở xuống là giải đáp về nơi chốn xa-gần, bởi vì bắt đầu bước đi nhiều bước đã lâu, thì biết là cách xa rồi, tức là nhanh chóng.

Tiết bốn- Từ “Nhất nhất Phật sát...” trở xuống là hiển bày về thành tựu lợi ích.

Tiết năm- Từ “Như tùng Đông...” trở xuống là tương tự hiển bày về mười phương.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, để hiểu có thể biết.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, văn hiển bày có thể biết.

Đoạn chín: Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Hồi Hưởng.

Thiện hữu tên gọi Đại Thiên, bởi vì hiện rõ Đại thân. Trí thanh tịnh tự tại không có ràng buộc, không có vướng mắc, cho nên gọi là Thiên. Xứng với Lý ứng hiện khắp nơi, cho nên gọi là Đại. Diệu Dụng khó suy lường, cho nên gọi là Thần.

Ở kinh thành Đọa-la Bát-đế, Trung Hoa nói là Hữu Môn, nghĩa là bởi vì có pháp môn vi diệu không có ràng buộc-không có vướng mắc này, vốn là Pháp Sư.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, văn hiển bày có thể biết.

Trong mục ba- Từ “Nhĩ thời Đại Thiên...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, có hai: 1- Phương tiện trao cho pháp; 2- Chính thức trao cho pháp đã đạt được.

Mục 1- Phương tiện trao cho pháp: Hiện rõ tướng, khen ngợi Thiện hữu khó gặp được mà khiến cho vui mừng tiến vào. Mở rộng ra..., dựa theo sự việc thì phát tâm khó gặp được, cho nên mắt trong sáng mà ngắm nhìn, rải hoa mà cúng dường; dựa theo biểu thị, nghĩa là mở rộng bốn cánh tay Vô ngại giải, chọn lấy pháp môn tương ứng với phẩm loại

thù thắng đã chứng được. Trước là tự mình thanh tịnh để gột sạch thân tâm, sau là làm lợi ích người khác, cho nên nói là rải hoa, cũng biểu thị cho bốn Nhiếp mở rộng ra xa mà thâm nhiếp tiếp nhận bốn Chúng.

Trong mục 2- Từ “Ngã dĩ thành...” trở xuống là chính thức trao cho pháp giới, có hai:

Mục a- Nêu lên tên gọi và Thể, nghĩa là bởi vì Đại Bi thuộc về sáu Độ, như vầng mây che phủ tưới thấm, như lưới giăng thâm nhiếp tất cả.

Mục b- Từ “Thiện Tài...” trở xuống là thưa hỏi và giải đáp về nghiệp dụng, vốn là bốn Nhiếp thâm nhiếp chúng sinh, trước là thưa hỏi-sau là giải đáp.

Trong giải đáp có hai tiết: Một- Hiện rõ vật báu để bố thí, dạy cho dùng Bố thí để thâm nhiếp. Hai- Từ “Như ngã vị như...” trở xuống là tương tự nối thông dạy cho các Nhiếp còn lại, và Nhiếp thuộc về Lợi hành; nói những pháp như vậy, cũng bao gồm Ái ngữ-Đồng sự.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, để hiểu có thể biết.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, văn hiển bày có thể biết.

Đoạn mười: Nhập Pháp Giới Vô Lượng Hội Hưởng.

Thiện hữu tên gọi Địa thần An Trú, Địa là nơi nương tựa của vạn pháp, tức là pháp giới đã tiến vào, An Trú tức là nghĩa của Nhập.

Tại Bồ-đề Tràng, bởi vì Pháp giới đã tiến vào chính là nơi đạt được Bồ-đề, Bồ-đề là căn bản, phương Nam trước đây có pháp đã biểu thị, thuận theo phương Nam là căn bản, nay thâm nhiếp phụ thuộc (Mạt) quy về pháp giới căn bản(Bổn), vì vậy không nói phương Nam. Vả lại, Địa thượng Chứng Như cũng giống với căn bản, nay Hội Hưởng cuối cùng cho nên thâm nhiếp quy về phần vị này. Văn cũng có sáu mục.

Mục một- Ý theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Từ “Bách vạn địa...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi giáo pháp, trong đó có năm: 1- Thiện hữu nhìn thấy khen ngợi, đã nói Thiện hữu nhìn thấy thì đã bao gồm nhìn thấy Thiện hữu. 2- Từ “Thời An Trú...” trở xuống là trang nghiêm nơi chốn thâm nhiếp chúng sinh để hiển bày về đức thù thắng. 3- Từ “Thời An Trú cáo...” trở xuống là nhận lời nêu ra pháp thiện xưa kia, dẫn đến bắt đầu thưa hỏi về điều ấy. 4- Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là lễ chào cung kính bày tỏ thưa thỉnh. 5- Từ “Dĩ túc án...” trở xuống là chính thức chỉ ra nhân xưa kia.

Mục ba- Từ “Thiện nam tử, ngã đắc...” trở xuống là chỉ ra pháp

giới của mình, trong đó có bốn: 1- Nêu lên tên gọi và Thể-Dụng, nghĩa là Trí trong một niệm phù hợp với pháp giới, thì không thể hủy hoại. Trong này thì không có gì không sinh ra, cho nên gọi là Tạng. Bởi vì phần vị Hiền đã đầy đủ, toàn bộ kết hợp với Tam Hiền, làm nhân tiến vào Địa, hiển bày về phước của Thiện Tài thường thuận theo Trí của Địa Thần không hủy hoại, vậy thì nhân xưa kia không mất đi, có thể tiến vào Chứng đạt. Từ “Thường dĩ thử...” trở xuống là tóm lược trình bày về Dụng của pháp giới ấy. 2- Từ “Thiện nam tử, ngã ức...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về nghiệp dụng, bởi vì Trí không hủy hoại cho nên thường nhớ lại... 3- Từ “Nãi vãng cổ thế...” trở xuống là hiển bày về thời gian-nơi chốn đạt được pháp. 4- Từ “Ngã ư thử...” trở xuống là tổng quát kết luận về thuần thực.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, dễ hiểu có thể biết.

Mục sáu- Lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già, văn hiển bày có thể biết.

Tri thức thuộc phần vị Thập Hồi Hướng, xong.



